



BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

SỞ CÔNG THƯƠNG TRÀ VINH

ĐC: SỐ 02 LÝ TỰ TRỌNG, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

Website: <http://sct.travinh.gov.vn> - Điện thoại: 0294 3852 594

Số 14

Ngày 23/8/2023



TÀI LIỆU THAM KHẢO - PHỤC VỤ ĐIỀU HÀNH QUẢN LÝ

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

TỔNG HỢP HÀNG TUẦN - PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

**Thông tin phục vụ cho lãnh đạo các đơn vị, doanh nghiệp
tham khảo, điều hành**

<i>Trong số này</i>	<i>Trang</i>
MỘT SỐ THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý	1
Kinh tế thế giới	1
Kinh tế trong nước	2
Thông tin chính sách và phổ biến ứng dụng khoa học kỹ thuật	3
THÔNG TIN NÔNG SẢN	4
Bộ trưởng NN&PTNT đề xuất không dùng từ “Giải cứu” nông sản nữa	4
THÔNG TIN THỦY SẢN	9
Xuất khẩu thủy sản sang Mỹ, Trung Quốc đang âm dần	9
Việt Nam vẫn dẫn đầu về cung cấp tôm cho Nhật Bản	10
Xuất khẩu mực, bạch tuộc đạt 318 triệu USD tính tới nửa đầu tháng 7/2023	11
THÔNG TIN CHĂN NUÔI	12
Tổng quan thị trường thịt	12
THÔNG TIN LÚA GẠO	16
Bộ Công Thương ra chỉ thị về xuất khẩu gạo và bình ổn thị trường trong nước	16
THÔNG TIN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP	18
Tổng quan thị trường thức ăn chăn nuôi và dự báo	18
THÔNG TIN XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI	21
Xúc tiến xuất khẩu nông sản sang UAE: Quan trọng là giá cả phải cạnh tranh	21
THÔNG TIN GIAO THƯƠNG	23
THÔNG TIN CẢNH GIÁC	26
Giá tôm nguyên liệu tiếp tục giảm, người nuôi vẫn khó khăn	26
THÔNG TIN AN TOÀN THỰC PHẨM	27
Cẩn trọng với thực phẩm đông lạnh không rõ nguồn gốc được bán qua “chợ mạng”	27
GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG	28
Giá cả trong tình	28

MỘT SỐ THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý

KINH TẾ THẾ GIỚI

KINH TẾ THẾ GIỚI

* Kinh tế Trung Quốc đối diện với nguy cơ giảm phát ngày càng tăng

Theo số liệu công bố hôm thứ Tư của Cơ quan Thống kê Quốc gia Trung Quốc, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) giảm 0,3% trong tháng 7 so với một năm trước (dù vẫn tăng 0,2% so với tháng 6). Nhưng khi loại trừ giá thực phẩm và năng lượng, CPI cơ bản tăng 0,8% so với một năm trước, mức cao nhất kể từ tháng 1, theo dữ liệu chính thức được truy cập qua Wind Information.

Trong khi đó dữ liệu cũng cho thấy, chỉ số giá sản xuất (PPI) tiếp tục suy giảm. Cụ thể PPI tháng 7 giảm 4,4% so với cùng năm trước, tiêu cực hơn so với dự báo mức giảm 4,1% theo một cuộc thăm dò của Reuters nhưng tốt hơn so với mức giảm 5,4% trong tháng 6.

Dữ liệu CPI quý II khiến một số nhà kinh tế cảnh báo về nguy cơ giảm phát ngày càng tăng tại nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới, khi giá cả giảm liên tục theo thời gian so với cùng kỳ năm trước: CPI tháng 6 ở mức 0%; tháng 5 tăng 0,2% và tháng 4 tăng 0,1%. Chỉ số PPI các tháng trong quý II so với cùng kỳ cũng cho thấy xu hướng này: Tháng 6 giảm 5,4%; tháng 5 giảm 4,6% và tháng 4 giảm 3,6%. William Lee, nhà kinh tế trưởng tại Viện Milken cho biết, không có nghi ngờ gì về việc Trung Quốc đang trong tình trạng giảm phát, khi chỉ số CPI giảm 0,3% trong tháng 7. “Câu hỏi đặt ra chỉ là nó sẽ kéo dài bao lâu”, chuyên gia này nói.

Cùng nhận định trên, Zhiwei Zhang, Chủ tịch kiêm nhà kinh tế trưởng của Pinpoint Asset Management, cho rằng: “Cả CPI và PPI đều nằm trong vùng giảm phát. Động lực kinh tế tiếp tục suy yếu do nhu cầu trong nước mờ nhạt”. Nhân vật này nói thêm: “Giảm phát có thể gây thêm áp lực lên Chính phủ trong việc xem xét các biện pháp kích thích tài chính bổ sung để giảm thiểu thách thức”.

Trong tháng 7, giá thịt heo - một loại thực phẩm chủ yếu ở Trung Quốc - đã giảm tới 26% so với cùng kỳ năm trước, góp phần làm giảm CPI chung và phần nào cho thấy nhu cầu tiêu dùng trong nước vẫn yếu kể từ sau đại dịch. Tuy nhiên, đà giảm của CPI được cân lại một phần nhờ giá du lịch tăng 13,1% tháng vừa qua so với cùng kỳ năm trước.

* Fed cảnh báo có thể chưa dừng tăng lãi suất

Tại cuộc họp tháng 7/2023, các quan chức Fed đã nâng lãi suất thêm 25 điểm cơ bản lên 5.25%-5.5% và thị trường kỳ vọng đây là lần nâng lãi suất cuối cùng của chu kỳ này.

Tuy nhiên, các cuộc trao đổi nội bộ của Fed mới đây cho thấy phần lớn thành viên lo ngại cuộc chiến chống lạm phát còn lâu mới kết thúc và có thể cần thêm các đợt thắt chặt chính sách trong tương lai.

“Khi lạm phát vẫn cao hơn nhiều mức mục tiêu dài hạn của Ủy ban và thị trường lao động vẫn trong tình trạng thắt chặt, hầu hết quan chức đều nhận thấy rủi ro đáng kể với lạm phát, điều này có thể buộc Ủy ban phải thắt chặt chính sách hơn nữa”, trích trong biên bản họp tháng 7/2023 của Fed.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

KINH TẾ TRONG NƯỚC

KINH TẾ TRONG NƯỚC

*** Nỗ lực phục hồi kinh tế có thể gặp phải một số trở ngại**

Trong báo cáo vừa công bố, SSI Research cho hay số liệu vĩ mô trong tháng 7 cho thấy nhiều tín hiệu trái chiều và nhìn chung nền kinh tế chưa cho thấy sự bứt phá mạnh.

Cụ thể, ngành sản xuất đã đi qua giai đoạn đáy nhưng tín hiệu phục hồi chưa rõ ràng và có sự phân hóa giữa các nhóm ngành.

Trong các ngành cấp 2, nhóm tăng trưởng chính là phân bón (+16,1%), thép (+15,4%) hoặc thực phẩm (+11,4%). Nhóm hàng may mặc đã chuyển sang tăng trưởng dương (+0,2%) sau nhiều tháng ghi nhận sụt giảm. Mặt khác, ngành điện tử (-1,9%) và sản xuất xe có động cơ (-6,6%) vẫn chứng kiến sự sụt giảm do nhu cầu yếu.

Chỉ số sử dụng lao động giảm mạnh nhất ở các tỉnh có lợi thế về chế biến chế tạo như Bình Dương (-13,2%), Đồng Nai (-10,1%), Thái Nguyên (-7,7%), Hải Phòng (-7,4%) hay Bắc Ninh (-1,4%).

Tiêu dùng có tốc độ tăng trưởng chậm lại, với hiệu ứng nền thấp của doanh thu du lịch không còn rõ nét. Ngoài ra, lạm phát bật tăng trở lại và kỳ vọng sẽ còn ở mức cao trong quý III trước khi hạ nhiệt dần trong quý IV.

"Tốc độ hạ nhiệt của lạm phát cơ bản chậm hơn nhiều so với lạm phát chung. Bình quân 7 tháng lạm phát tổng thể tăng 3,12% - vẫn nằm trong mục tiêu của Chính phủ trong khi lạm phát cơ bản ghi nhận tăng 4,65%. Đóng góp lớn nhất cho CPI tháng 7 là giá thịt heo (+2,7% so với tháng trước) và giá điện sinh hoạt (tăng 3,87%). Giá xăng dầu ghi nhận giảm 0,11% so với tháng trước, tuy nhiên kỳ vọng sẽ bật tăng trong tháng 8 khi giá dầu thô thế giới đang có xu hướng tăng dần", báo cáo nêu.

Về FDI, đầu tư FDI duy trì tốc độ ổn định nhưng giá trị dự án đăng ký mới đang nhỏ dần lại, trong khi đó đầu tư công chưa có sự bứt phá mạnh trong tháng 7.

Theo SSI, tỷ giá phần nào hạ nhiệt về cuối tháng nhưng rủi ro về tỷ giá vẫn cần được lưu ý, trong bối cảnh có độ lệch pha về chính sách giữa Việt Nam và thế giới.

Mặt bằng lãi suất tiếp tục giảm nhanh, đặc biệt trong tháng 7, tốc độ giảm của lãi suất cho vay nhanh hơn nhiều so với lãi suất huy động.

Nhóm phân tích dự báo tăng trưởng GDP cho cả năm ở mức 4,5% - 5%. Theo SSI, các nỗ lực từ phía NHNN và Chính phủ có thể sẽ phải gặp các trở ngại do cần phải duy trì cân bằng giữa tăng trưởng và sự ổn định vĩ mô và các điều kiện tài chính bên ngoài bị thắt chặt. Điểm tích cực có thể đến từ sự phục hồi nhanh hơn của xuất khẩu và tiêu dùng trong nước.

*** Tỷ giá đang tăng nhưng vẫn trong vòng kiểm soát**

Ngày 16/8, có thời điểm, giá bán USD giao dịch thấp nhất ở mức 24.120 VND/USD (cao hơn 150 đồng), giá bán cao nhất là 24.200 VND/USD (cao hơn 150 đồng) so với phiên ngày 15/8.

Nếu so với đầu năm 2023, tỷ giá tăng khoảng 1,17%, còn so với thời điểm đáy của năm nay, tỷ giá tăng 1,65%. Theo một số chuyên gia kinh tế, mặc dù tỷ giá tăng mạnh nhưng vẫn trong tầm kiểm soát của Ngân hàng Nhà nước (NHNN).

Theo Công ty chứng khoán MB (MBS), tỷ giá tăng mạnh trong bối cảnh Việt Nam duy trì mức thặng dư thương mại lớn là 16,2 tỷ USD trong 7 tháng năm 2023; mức vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) giải ngân ổn định đạt 11,58 tỷ USD và dự trữ ngoại hối gia tăng lên mức 93 tỷ USD. Những yếu tố này cho thấy cung cầu USD không hẳn là nguyên nhân khiến tỷ giá gia tăng so với đầu năm 2023.

Tuy nhiên, các chuyên gia cũng nhấn mạnh tỷ giá VND/USD có thể căng thẳng trong những tháng cuối năm theo tính mùa vụ của cặp tỷ giá này. Và cần phải theo dõi kỹ về dòng vốn ngoại, đặc biệt là dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài để có những phương án dự phòng hợp lý cho tỷ giá.

Các doanh nghiệp nhập khẩu cần có các phương án dự phòng rủi ro tỷ giá như mua các hợp đồng kỳ hạn mua USD để đảm bảo mua được USD với tỷ giá ấn định trước ở thời điểm hiện tại và tránh việc USD có thể tăng giá cao cuối năm gây thiệt hại cho các đơn hàng nhập khẩu.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN CHÍNH SÁCH VÀ PHỔ BIẾN ỨNG DỤNG KHOA HỌC KỸ THUẬT*** Phát triển nông nghiệp công nghệ cao: Kinh nghiệm từ Israel**

Hiện nay, nông nghiệp công nghệ cao là một xu hướng Việt Nam đang dần tiếp cận và hứa hẹn sẽ là một bước tiến lớn cho nền nông nghiệp nước nhà. Việc học tập kinh nghiệm về phát triển nông nghiệp công nghệ cao ở một số quốc gia trên thế giới như Israel sẽ là bài học quý báu cho Việt Nam.

Áp dụng thành công khoa học - công nghệ vào nông nghiệp trên sa mạc

Với 50% diện tích là sa mạc, Israel vươn lên là một trong những quốc gia hàng đầu về sản xuất nông nghiệp sạch và bền vững. Theo đó, công nghệ tưới nhỏ giọt đã được áp dụng ở ngành nông nghiệp nước này. Tại quốc gia này, lượng mưa trung bình chỉ khoảng 50mm/năm, với phần lớn diện tích là sa mạc. Cái khó đã khiến những người dân Do Thái trăn trở và sáng tạo ra hệ thống tưới nước nhỏ giọt. Nhờ công nghệ tưới nhỏ giọt, sản phẩm công nghệ của Israel đã giúp 700 hộ nông dân ở Senegal canh tác 3 vụ/năm, thay vì chỉ một vụ vào mùa mưa như trước đây. Kết quả tương tự cũng đã đạt được tại Kenya, Nam Phi, Benin và Nigeria - những quốc gia có điều kiện khô hạn tương tự Israel.

Bên cạnh đó, Israel còn có hệ thống tưới bằng khay Tal-Ya là tưới nhỏ giọt từ không khí. Đây là hệ thống tưới bằng khay thông minh có rãnh cưa, được làm từ nhựa tái chế với các bộ lọc tia cực tím có tên Tal-Ya. Chiếc khay này dùng để tích lũy nước được hình thành do sự chênh lệch nhiệt độ giữa ngày - đêm ở Israel và nước mưa. Nước được tích lại trên khay sẽ được tưới thẳng vào gốc của mỗi cây trồng. Những cách thức này không chỉ giúp kích thích sự phát triển của cây trong khí hậu khô nóng, nó còn là giải pháp tối ưu cho việc tiết kiệm một lượng lớn nước tưới. Đồng thời, cách cung cấp nước này khiến đất luôn giữ được sự tươi, xốp, tránh việc làm sỏi mòn hoặc nén chặt đất trồng.

Diệt sâu bọ bằng phương pháp sinh học

Thiên nhiên là kỹ sư vĩ đại nhất trong việc kiến tạo nên sự cân bằng trong thiên nhiên. Đó là niềm tin để người Israel chuyên tâm nghiên cứu để tìm ra những côn trùng thiên địch và phát triển nó trở thành những phương pháp phòng trừ sâu bệnh có hại.

Cụ thể, sau khi lai tạo thành công, những con côn trùng này sẽ được thả vào những khu vườn, những nông trang để chúng tự do tiêu diệt các loài sâu, bọ sống ký sinh, tàn phá thực vật. Một ví dụ điển hình là giống nhện màu cam đã giúp những khu vườn dâu tây ở Mỹ không bị sâu bọ “quấy rầy” và giúp nông dân Israel giảm tới 75% lượng thuốc trừ sâu so với trước đây.

Hay để hạn chế các loài gặm nhấm phá hoại mùa màng, người Israel chọn dùng cú để giải quyết vấn đề. Bên cạnh đó, họ cũng tập trung phát triển, gây giống loài ong vò vẽ để tạo thuận lợi cho quá trình thụ phấn của các loại cây trồng, đặc biệt là trong các nhà kính kín gió.

Ở Israel, có những công ty chuyên nghiên cứu và tạo ra những phương pháp phòng trừ sâu bệnh sinh học. Họ thậm chí còn xuất khẩu các sản phẩm côn trùng có lợi của mình sang nhiều nước khác trên thế giới.

Áp dụng công nghệ hiện đại vào ngành chăn nuôi

Israel là đất nước đầu tiên phát triển công nghệ chăn nuôi và quản lý trang trại bò sữa theo hướng công nghiệp hiện đại trên thế giới. Quốc gia này đã xuất khẩu công nghệ của mình ra rất nhiều quốc gia có nền chăn nuôi phát triển, Pháp là một ví dụ điển hình. Hiện nay, Israel cũng đang tham gia vào dự án phát triển ngành công nghiệp này ở Việt Nam, trong một dự án có vốn đầu tư lên tới 500 triệu USD.

Đặc điểm nổi bật nhất giúp công nghệ chăn nuôi bò của Israel được các nước đề cao và học tập chính là phương cách áp dụng những ứng dụng của công nghệ hiện đại một cách hợp lý trong các khâu của việc chăn nuôi. Những công nghệ này cho phép người sản xuất biết được mức độ dinh dưỡng và tình trạng sức khỏe của bò, phát hiện những vấn đề vệ sinh có thể gặp trong giai đoạn đầu, lựa chọn giống bò phù hợp hay vắt sữa bò một cách chuyên nghiệp. Những giải pháp này đã góp phần rất lớn trong việc giảm tỷ lệ sử dụng kháng sinh, tăng sản lượng sữa và giải quyết được vấn đề thiếu nhân công trong khâu thu hoạch.

Giải pháp nông nghiệp trực tuyến

Người Israel coi việc chia sẻ kinh nghiệm là một trong những yếu tố chính tạo động lực cho sự phát triển nông nghiệp của quốc gia. Đó cũng chính là lý do người Israel cho ra đời hệ thống “Kiến thức nông nghiệp trực tuyến” (Agricultural Knowledge On-Line (AKOL)). Đây là hệ thống liên kết các kho dữ liệu về kiến thức nông nghiệp cùng các chuyên gia hàng đầu trong mọi mặt của lĩnh vực này, ở cấp độ toàn cầu. Người nông dân Israel có thể trực tiếp truy cập vào hệ thống để học hỏi những kiến thức cần thiết, yêu cầu sự giúp đỡ, hay tư vấn về phương pháp cũng như giải pháp từ các chuyên gia cho vấn đề cụ thể mình gặp phải. Kiến thức và sự trợ giúp đúng hướng và kịp thời như vậy đã hình thành sự liên kết chặt chẽ giữa người nông dân và các nhà khoa học.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN NÔNG SẢN

* Bộ trưởng NN&PTNT đề xuất không dùng từ “Giải cứu” nông sản nữa

Trả lời đại biểu Quốc hội liên quan đến vấn đề nông sản được mùa mất giá, phải giải cứu, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Lê Minh Hoan cho biết không nên dùng từ “Giải cứu” nữa.

Bởi, mỗi lần chúng ta dùng từ “giải cứu” thì nông sản càng rớt giá, nông dân lại quay lưng và đó là quy luật. Khi nói một mặt hàng nông sản phải giải cứu thì bà con không muốn bỏ công chăm sóc nữa. Thực tế, ngay cả Vĩnh Long, khoai lang vẫn đang được giá nhưng do vấn đề tranh mua, tranh bán, chen chúc.

Có lúc thương lái đẩy giá “ào” lên cao nhưng cũng có lúc bỏ rơi bà con. Khoai lang ở Đồng Tháp cũng lâm vào cảnh tương tự.

"Chúng ta không cấu trúc lại ngành hàng, không đưa bà con vào hình thức hợp tác nào. Mỗi người một thửa ruộng khoai lang vài trăm mét là sẽ không bao giờ thành công, doanh nghiệp cũng không sẵn sàng tham gia", Bộ trưởng Lê Minh Hoan nói.

Ông cho biết khi khoai lang được xuất khẩu chính ngạch sang Trung Quốc, nông dân, doanh nghiệp rất hồ hởi nhưng lúc này lại không còn nhiều diện tích trồng vì nhiều hộ đã quay lưng lại với loại củ này. Doanh nghiệp cho biết khoai lang từ Vĩnh Long có trường hợp ra đến cửa khẩu thì phải bỏ đến 40% vì không đúng quy cách, chủng loại.

Tại phiên chất vấn, đại biểu Quốc hội cũng tỏ ra lo ngại tình trạng người dân ồ ạt trồng sầu riêng có thể gây mất cân đối cung - cầu trong tương lai.

Theo Bộ Công Thương, xuất khẩu trái sầu riêng mặc dù vẫn tăng song tốc độ tăng đã chậm lại. Tháng 6/2023, kim ngạch xuất khẩu sầu riêng các loại (gồm dạng tươi, đông lạnh, sấy khô, mứt) đạt gần 389,3 triệu USD, tăng 16% so với tháng 5/2023 và tăng 946,5% so với tháng 6/2022.

Tính chung 6 tháng năm 2023, kim ngạch xuất khẩu sầu riêng của Việt Nam tăng 985,8% so với cùng kỳ năm 2022, đạt 916,21 triệu USD.

Phản hồi ý kiến này, Bộ trưởng Lê Minh Hoan khẳng định đây là quyết định của bà con, không ai có quyền can thiệp, ngăn cản.

Thay vào đó, các địa phương cần đẩy mạnh việc khuyến nông, thông tin về thị trường, kết nối với doanh nghiệp, vì giá cả thay đổi rất nhanh, hiệu ứng nào cũng làm giá tăng lên, giảm xuống nên cần cân nhắc.

“Chúng tôi nhận trách nhiệm trong vấn đề chưa chuẩn hoá quy trình trồng sầu riêng, thu hái, vận chuyển, xây dựng mã ngành hàng. Chúng tôi cũng đã tự kiểm điểm cách đây mấy ngày”, ông Hoan cho biết.

Việt Nam hiện có 293 vùng trồng và 115 cơ sở đóng gói sầu riêng đã được phía Trung Quốc cấp mã số xuất khẩu chính thức sang thị trường này. Hiện Cục Bảo vệ thực vật đang làm việc với Hải quan Trung Quốc để thống nhất lịch kiểm tra tiếp theo cho khoảng 400 vùng trồng và 60 cơ sở đóng gói sầu riêng đã gửi hồ sơ cho phía Trung Quốc.

Bộ trưởng Công Thương Nguyễn Hồng Diên cho biết nền kinh tế nông nghiệp của Việt Nam vẫn nhỏ lẻ, phân tán, tự phát, manh mún dẫn đến không kiểm soát được nguồn cung cho xuất khẩu, chất lượng nông sản không đồng đều để đáp ứng các tiêu chuẩn của thế giới.

Ngành còn thiếu sự liên kết từ khâu sản xuất đến chế biến, tiêu thụ. Liên kết lao động và tổ chức sản xuất theo lợi thế vùng, địa phương còn yếu dẫn đến tính chuyên hoá thấp, dễ dẫn đến tình trạng ứ ứ nguồn cung và điệp khúc “được mùa mất giá” tiếp tục lặp lại.

Xuất khẩu nông sản vẫn chủ yếu là hàng thô, chưa có sản phẩm mũi nhọn và thương hiệu mạnh. Phát triển nông lâm, thủy sản chủ yếu tập trung vào xuất khẩu mà chưa quan tâm đúng mức đến thị trường trong nước.

Để khắc phục tình trạng này ông Diên cho biết thời gian tới Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn sẽ đẩy mạnh việc tái cơ cấu ngành nông nghiệp, khẩn trương quy hoạch thành các vùng trồng vùng nuôi, tăng cường sản xuất - xuất khẩu theo chuỗi.

Ngoài ra, Bộ Công Thương tiếp tục đẩy mạnh đàm phán mở rộng thị trường xuất khẩu, tiêu thụ nông sản; đồng thời đấu tranh đối với các biện pháp kỹ thuật bất hợp lý ở các thị trường nhập khẩu ...

*** Xuất khẩu nông sản chủ lực của Việt Nam vào EU đang được hưởng lợi lớn**

Từ khi có hiệu lực vào tháng 8/2020, phần lớn các cam kết của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-Liên minh châu Âu (EVFTA) đã được triển khai và tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Đây là đánh giá của bà Đỗ Việt Hà, đại diện Thương vụ Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức về hiệu quả của EVFTA sau 3 năm thực thi.

Bà Đỗ Việt Hà dẫn số liệu thống kê của Tổng Cục Hải quan Việt Nam nêu rõ, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa Việt Nam sang 27 nước thành viên của Liên minh châu Âu (EU) trong giai đoạn 2020-2022 ghi nhận tăng trưởng tốt. Cụ thể, năm 2022, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang EU đạt 46,83 tỷ USD, tăng 16,7% so với năm 2021, chiếm 12,6% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam. Trong đó, xuất khẩu sang Đức đạt 8,97 tỷ USD, tăng 23,1% so với năm 2021.

Theo số liệu của cơ quan thống kê Đức (Destatis), kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Đức từ Việt Nam đạt 15,4 tỷ USD, tăng 21% so với năm 2021. Sự chênh lệch này là do phương pháp thống kê và áp dụng quy tắc xuất xứ khác nhau. Một số mặt hàng xuất khẩu ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng sang Đức là máy ảnh, máy quay phim, linh kiện tăng 265,9%; đồ chơi, dụng cụ thể thao tăng 126%; giày dép tăng 53,8%; dệt may tăng 37%. Một số mặt hàng nông thủy sản tăng trưởng đều, trong đó thủy sản tăng 26,1%; rau quả tăng 8%; cà phê tăng 13,1%; chè tăng 14,6%.

EU là đối tác thương mại lớn thứ ba của Việt Nam và là thị trường nhập khẩu nông sản có tốc độ phát triển mạnh sau khi hiệp định EVFTA có hiệu lực. Ngành nông nghiệp Việt Nam được đánh giá là một trong những ngành được hưởng lợi lớn nhất từ EVFTA. Các mặt hàng nông sản chủ lực của Việt Nam vào EU là thủy sản, gạo, các sản phẩm trồng trọt, rau quả đều được hưởng mức thuế suất ưu đãi ngay sau khi EVFTA có hiệu lực. Các lợi ích từ xuất xứ, Bảo hộ chỉ dẫn địa lý giúp cho các sản phẩm nông thủy sản Việt Nam khi xuất khẩu sang Đức/EU có cơ hội gia tăng thương hiệu và giá trị sản phẩm.

Theo bà Đỗ Việt Hà, gạo vốn không phải là mặt hàng chủ chốt xuất sang EU nhưng có kim ngạch xuất khẩu tăng đều trong những năm gần đây. Điều này cho thấy EVFTA đã hỗ trợ tích cực cho xuất khẩu của Việt Nam. Các doanh nghiệp cũng tận dụng tối đa lượng gạo xuất khẩu theo hạn ngạch thuế quan để hưởng mức thuế 0% mà EU dành cho Việt Nam. Cụ thể,

năm qua, xuất khẩu gạo sang thị trường EU tăng mạnh, đạt 94.510 tấn gạo và vượt hạn ngạch 80.000 tấn gạo hàng năm mà EU dành cho Việt Nam theo cam kết từ hiệp định EVFTA. Trong đó, xuất khẩu gạo sang một số thị trường thuộc EU tăng mạnh, như Hà Lan tăng 44%, Ba Lan tăng 68%, Tây Ban Nha tăng 89%, Bỉ tăng 149%... Các doanh nghiệp xuất khẩu gạo hàng đầu của Việt Nam vào thị trường EU trong năm qua có thể kể đến như Công ty TNHH XNK Đại Dương Xanh, Tập đoàn Lộc Trời, Công ty CP Thương mại Dịch vụ Gạo Thịnh, Công ty CP Chế biến và Xuất khẩu lương thực Đồng Xanh, Công ty TNHH Thành Phát...

Về lợi ích của hiệp định cho chính các nước EU, bà Đỗ Việt Hà nhận định EVFTA là một trong những FTA mà Việt Nam có cam kết cắt giảm thuế tương đối mạnh, qua đó giảm giá thành sản phẩm, bù đắp được các chi phí vận chuyển cao từ các nước này sang Việt Nam, có lợi thế cạnh tranh so với nhiều hàng hóa từ các đối thủ khác. Các nhóm sản phẩm của Đức/EU có nhiều lợi thế từ cắt giảm thuế quan theo EVFTA là: xe cộ, máy móc thiết bị điện, các sản phẩm nhựa, sắt thép, nhiên liệu dầu khoáng, thịt động vật và gia cầm, xúc xích, sữa và các sản phẩm từ sữa.

Ngoài ra, Việt Nam có nhiều cam kết liên quan đến cải cách hải quan và thuận lợi hóa thương mại, áp dụng các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật, các biện pháp kỹ thuật đối với thương mại, phòng vệ thương mại... tuân thủ các quy tắc và tiêu chuẩn của EVFTA. Các cam kết này giúp hàng hóa EU tiếp cận thị trường Việt Nam dễ dàng hơn.

Bên cạnh những thuận lợi, bà Đỗ Việt Hà cũng nêu bật những khó khăn của hàng hóa Việt Nam khi thâm nhập thị trường EU bao gồm thách thức trong việc đáp ứng quy tắc xuất xứ để hưởng ưu đãi thuế quan, nguy cơ gia tăng các biện pháp phòng vệ thương mại.

Để vượt qua những khó khăn đó và phát huy tối đa lợi ích từ EVFTA, bà Đỗ Việt Hà cho rằng doanh nghiệp cần chủ động tìm hiểu về hướng dẫn của hiệp định, các tiêu chuẩn hàng hóa xuất khẩu sang thị trường EU; nghiên cứu kỹ thị trường EU, thị hiếu và nhu cầu tiêu dùng của người dân để cải thiện chất lượng, mẫu mã sản phẩm; tìm hiểu các cơ chế, cách thức tiếp cận các kênh/nhà phân phối hàng hóa tại EU, đặc biệt là các kênh thương mại điện tử đang ngày càng trở nên phổ biến; không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh để đáp ứng các yêu cầu của khách hàng trên trường quốc tế về các yếu tố: nguồn nhân lực, chất lượng sản phẩm, mô hình kinh doanh, đầu tư vào công nghệ và minh bạch thông tin.

Cũng theo bà Đỗ Việt Hà, chính phủ cần xây dựng chiến lược tổng thể để đưa ra những định hướng, kế hoạch, lộ trình cho các bộ, ngành và địa phương nhằm triển khai đầy đủ, kịp thời các cam kết của EVFTA; xây dựng những cơ chế tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong nước phát triển, chuẩn bị những giải pháp ứng phó, hỗ trợ những ngành hàng chịu sức ép cạnh tranh lớn khi thực thi hiệp định; xây dựng những chính sách hấp dẫn nhằm thu hút các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài từ EU vào Việt Nam.

Về phần mình, Thương vụ cần thường xuyên phối hợp với các đơn vị trong và ngoài nước... tổ chức các phiên tư vấn, cung cấp thông tin về thị trường cho các doanh nghiệp Việt Nam; hỗ trợ tháo gỡ các khó khăn cho doanh nghiệp khi xuất khẩu hàng hóa sang EU; hỗ trợ xác minh năng lực kinh doanh, tình hình tài chính... của các doanh nghiệp EU mà doanh nghiệp Việt Nam đang có kế hoạch hợp tác, kinh doanh nhằm giảm thiểu rủi ro cho các doanh nghiệp Việt Nam khi ký kết hợp đồng thương mại; tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại, kết nối giao thương, hỗ trợ doanh nghiệp tham dự các hội chợ ngành hàng quốc tế lớn để tìm kiếm đối tác.

* Hoa Kỳ chính thức mở cửa thị trường cho quả dứa tươi của Việt Nam

Cục Bảo vệ thực vật (Bộ NN&PTNT) cho biết, ngày 8/8/2023, Cục Kiểm dịch động thực vật (APHIS) thuộc Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ vừa gửi thư tới cơ quan này thông tin về việc Hoa Kỳ mở cửa thị trường đối với quả dứa tươi Việt Nam.

Trước đó, ngày 7/8/2023, APHIS đã hoàn tất việc cập nhật cơ sở dữ liệu trực tuyến yêu cầu nhập khẩu hàng hóa nông nghiệp (ACIR) để phê duyệt việc nhập khẩu dứa tươi từ Việt Nam.

Để có được kết quả trên, APHIS cùng với Cục Bảo vệ thực vật đã thống nhất về báo cáo phân tích nguy cơ dịch hại đối với quả dứa có một phần vỏ nhập khẩu từ Việt Nam sang Hoa Kỳ. Hai bên đã khẳng định không có sinh vật gây hại là đối tượng kiểm dịch thực vật đi theo hàng hóa và xác định dứa tươi non đã loại bỏ một phần vỏ (ít nhất 3/4 lớp vỏ xanh bên ngoài), với nguy cơ lây lan sinh vật gây hại là không đáng kể.

Về mặt thực vật, quả dứa được phân loại là quả hạch. Quả dứa bao gồm lớp vỏ ngoài (còn gọi là vỏ ngoài), lớp vỏ quả giữa (xơ dứa) và lớp vỏ cứng của quả dứa nhỏ bên trong. Quả dứa nhỏ bên trong (hay còn gọi là hạt dứa) có lớp vỏ cứng, kết cấu gỗ, bao quanh cùi (nội nhũ) và chất lỏng (sữa hoặc nước). Hạt dứa có ba lỗ rỗng to, hơi trũng. Vỏ quả ngoài là lớp vỏ bóng, thường có xanh, màu vàng xanh đến vàng nâu.

Như vậy, quả dứa Việt Nam được nhập khẩu vào Hoa Kỳ có thể ở dạng được loại bỏ hoàn toàn lớp vỏ ngoài và xơ dứa hoặc dạng quả dứa non đã loại bỏ ít nhất 75% (3/4) lớp vỏ xanh bên ngoài. Do APHIS phân loại quả dứa đã bỏ vỏ được coi là dứa thương phẩm không có khả năng nảy mầm. Cùi và nước dứa bên trong có thể dùng làm thức ăn, nên yêu cầu kiểm dịch thực vật duy nhất là các lô hàng hóa này phải được kiểm tra tại các cảng nhập khẩu của Hoa Kỳ.

Hiện tại, ngành dứa Việt Nam có vị trí quan trọng trên thế giới với diện tích trên 188 nghìn ha. Diện tích dứa Việt Nam chiếm 1,67% diện tích trên thế giới, 2,07% diện tích dứa châu Á. Tốc độ tăng diện tích dứa của Việt Nam khá cao, năm 2010, diện tích dứa Việt Nam xếp thứ 6 trên thế giới thì đến năm 2021, diện tích dứa Việt Nam đã xếp thứ 5 trên thế giới.

Dứa là một loại cây trồng có giá trị và đa dụng vì có thể sử dụng trong công nghiệp chế biến ra nhiều sản phẩm khác nhau từ các bộ phận của cây dứa.

Cây dứa đang là nguồn thu nhập cho khoảng 389.530 hộ nông dân và tạo ra giá trị xuất khẩu dứa và các sản phẩm từ dứa đã đạt trên 900 triệu USD. Ngành dứa Việt Nam đang đứng thứ 4 về tổng giá trị trên thị trường dứa thế giới.

Hiện cả nước có khoảng 854 doanh nghiệp sản xuất chế biến các sản phẩm từ dứa với nhiều loại hình, quy mô hoạt động khác nhau như: chế biến vỏ dứa, gáo dứa, cơm dứa, nước dứa... giải quyết việc làm cho hơn 15.000 lao động.

Hiện tại cũng có hơn 90 doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm từ dứa, trong đó, có 42 doanh nghiệp đã xuất khẩu những sản phẩm chế biến sâu.

Năm 2023, ngành dứa phấn đấu xuất khẩu dứa và các sản phẩm từ dứa đạt trên 1 tỷ USD.

Hiện nay, Bến Tre được xem là thủ phủ dứa của cả nước. Tại Bến Tre, theo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, đến cuối năm 2022, tổng diện tích dứa của tỉnh hơn 78.000 ha, tăng 768 ha, diện tích đang cho trái là hơn 71.400 ha, với tổng sản lượng ước khoảng 688 triệu trái/năm; trong đó diện tích dứa uống nước khoảng 15.850 ha chiếm tỉ lệ 20,3%; dứa hữu cơ của tỉnh đạt 17.200 ha, đến năm 2025 ước đạt hơn 20.000 ha dứa hữu cơ,

tập trung trên vùng sản xuất dừa công nghiệp. Hơn 70% người dân Bến Tre có kinh tế chủ yếu thu nhập từ cây dừa. Nhờ tích cực đổi mới công nghệ, chất lượng sản phẩm dừa được nâng lên, giúp giá trị sản xuất công nghiệp các sản phẩm dừa đạt khoảng 3.300 tỷ đồng/năm, chiếm trên 12% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh.

*** Dự cung đường thu hẹp**

Theo số liệu của Hiệp hội Mía đường Việt Nam (VSSA), trong tháng 6, ngành đường Việt Nam đã hoàn thành vụ ép mía 2022-2023. Sản lượng lũy kế từ đầu vụ đã ép được 9,7 triệu tấn mía sản xuất được 941.373 tấn đường các loại. So sánh cùng kỳ với vụ ép mía 2021-2022, sản lượng mía ép đạt 144% và sản lượng đường đạt 136%. Đây đồng thời là niên vụ thứ hai tăng trưởng liên tiếp của ngành đường.

Nói về triển vọng ngành đường từ nay đến cuối năm, VSSA cho rằng thị trường sẽ tiếp tục dư thừa nguồn cung khoảng 289.720 tấn. Tuy nhiên, con số này được thu hẹp so với 395.000 tấn của niên vụ trước.

Cụ thể, nhu cầu đường năm nay tương đương hoặc tăng một chút so với cùng kỳ, ở mức 2,35 triệu tấn. Đường xuất khẩu chính ngạch tăng 150% so với cùng kỳ. Trong khi đó, tổng nguồn cung đường đạt gần 2,64 triệu tấn, giảm so với mức hơn 2,69 triệu tấn của năm trước.

Trong đó, đường sản xuất từ mía tăng 126% so với vụ trước. Đường lòng sirô ngô HFCS nhập khẩu tăng bùng nổ, khối lượng 244.242 tấn đường lòng tương đương với 305.302 tấn đường nhập khẩu (mà không chịu thuế).

Tình hình thị trường đường nửa đầu năm

Nửa đầu năm 2023 đánh dấu sự trở lại của giá đường nhờ được hỗ trợ bởi thông tin sản lượng suy giảm do chịu tác động bởi hiệu ứng thời tiết xấu El Nino.

Đỉnh điểm là hồi tháng 4, giá đường thế giới đạt đỉnh 12 năm ở mức 27,3 US Cent/pound. Tuy nhiên, đến tháng 6, giá đường điều chỉnh xuống 22 US Cent/pound, mức thấp nhất trong vòng 3 tháng do Brazil bước vào vụ thu hoạch.

Tại Thái Lan, quốc gia sản xuất đường lớn thứ ba thế giới, chịu tác động bởi tình hình thời tiết khô hạn. Lượng mưa tại khu vực này giảm 28% so với cùng kỳ năm trước. Giới chuyên gia dự báo 2023 sẽ là năm đầu tiên trong vòng 3 năm qua, sản lượng đường của Thái Lan giảm. Đồng thời đây sẽ là mức sản lượng thấp thứ hai sau niên vụ 2009 - 2010.

Hồi tháng 5, Tổ chức Đường Quốc tế đã giảm dự báo sản lượng đường toàn cầu niên vụ 2022 -2023 từ mức 180,4 triệu tấn của lần dự báo trước đó xuống 177,4 triệu tấn. Lượng dư cung cũng được điều chỉnh từ 4,15 triệu tấn xuống 852.000 tấn.

Tại Ấn Độ, nhiều người lo ngại rằng chính phủ nước này sẽ áp lệnh cấm xuất khẩu đường, sau khi làm điều tương tự với gạo vào giữa tháng 7, theo Bloomberg. Lượng mưa phân bố không đồng đều ở vành đai nông nghiệp nước này đẩy lên lo ngại sản lượng mía sẽ giảm năm thứ hai liên tiếp. Theo ông Aditya Jhunjhunwala, Chủ tịch Hiệp hội Các nhà máy đường Ấn Độ, khu vực trồng mía chính tại bang Maharashtra và Karnataka không nhận đủ lượng mưa cần thiết trong tháng 6. Tổ chức này dự báo sản lượng đường Ấn Độ niên vụ 2023-2024 giảm khoảng 3,4% so với cùng kỳ năm trước xuống 31,7 triệu tấn.

Giá đường tại Việt Nam cũng được hưởng lợi từ đà tăng của đường thế giới. Tính đến tháng 6, giá đường tinh luyện dao động trong khoảng 20.800 - 22.200 đồng/kg, tăng 400 - 1.000 đồng/kg so với hồi tháng 5, theo số liệu từ VSSA.

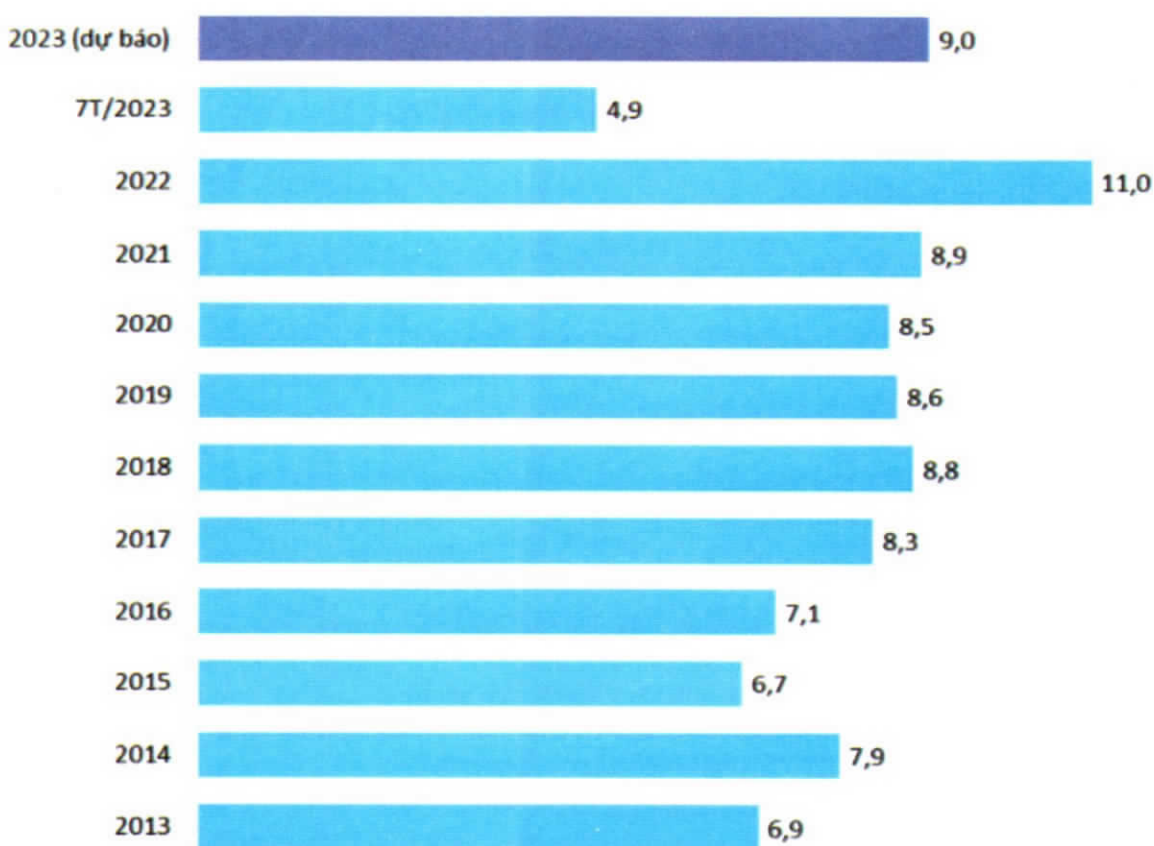
(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN THỦY SẢN*** Xuất khẩu thủy sản sang Mỹ, Trung Quốc đang âm dần**

Xuất khẩu thủy sản tháng 7 đã có những tín hiệu khả quan hơn khi thị trường Trung Quốc bắt đầu tăng trưởng dương và mức giảm ở thị trường Mỹ đang thu hẹp dần qua các tháng.

Báo cáo của Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) cho biết trong tháng 7, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt 779 triệu USD, giảm 17% so với tháng 7/2022. Mức giảm này đã thu hẹp dần so với 23% của tháng 6 và các tháng trước đó.

Tính chung 7 tháng đầu năm nay, kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt 4,9 tỷ USD, giảm 26% so với cùng kỳ năm 2022.

Kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam từ 2013 đến 7T/2023 (tỷ USD)

Trong tháng 7, xuất khẩu thủy sản sang Mỹ, Trung Quốc cải thiện đáng kể, trong khi xuất khẩu sang Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia, Canada, Đức, Hà Lan vẫn đối mặt với nhiều khó khăn.

Cụ thể, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường Mỹ trong tháng 7 đạt 146 triệu USD, chỉ còn giảm 11% so với tháng 7/2022, thấp hơn mức giảm 30% của tháng 6. Tính chung 7 tháng đầu năm, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường Mỹ đạt 854 triệu USD, giảm 42% so với cùng kỳ năm 2022.

Cục Xuất nhập khẩu cho rằng lạm phát tại Mỹ hạ nhiệt sẽ là yếu tố hỗ trợ nhu cầu tiêu dùng tại thị trường này, tạo điều kiện cho xuất khẩu thủy sản của nước ta.

Tại họp báo của Bộ NN&PTNT mới đây, Thứ trưởng Phùng Đức Tiến cho biết đã có những tín hiệu tích cực ở thị trường Mỹ với cả tôm và cá tra, tuy nhiên thời điểm này, Mỹ đang ép giá.

“Dự trữ và tồn kho của Mỹ đã giảm, trong khi nhu cầu không thay đổi. Do đó, chúng ta cần phải chuẩn bị cho những dự trữ để khi tình thế, thời cơ đến thì chúng ta có thể chớp được cơ hội này. Về xuất khẩu tôm cũng tương tự”, Thứ trưởng Phùng Đức Tiến dự báo.

Tương tự như Mỹ, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc trong tháng 7 cũng có tín hiệu khả quan khi lần đầu tăng trưởng dương sau 4 tháng liên tiếp sụt giảm.

Xuất khẩu thủy sản sang thị trường 1,4 tỷ dân trong tháng 7 đạt 115 triệu USD, tăng 8% so với tháng 7/2022. Tính chung 7 tháng đầu năm nay, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang Trung Quốc đạt 750 triệu USD, giảm 19% so với cùng kỳ năm 2022.

Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản (VASEP) cho rằng Trung Quốc hiện đang là thị trường được kỳ vọng nhất cho doanh nghiệp thủy sản khi nửa cuối năm 2023, kinh tế Trung Quốc ổn định hơn, thu nhập và tiêu dùng của người dân tăng dần.

VASEP dự báo xuất khẩu thủy sản sang Trung Quốc và Hồng Kong có cơ hội phục hồi, kim ngạch năm 2023 dự kiến đạt 1,8 tỷ USD. Ở kịch bản 5 tháng cuối năm kinh tế ở các thị trường lớn phục hồi, doanh nghiệp có nội lực sản xuất, nguồn cung nguyên liệu ổn định và phẩm xuất khẩu có giá bán cạnh tranh, xuất khẩu thủy sản có thể thu về khoảng trên 9 tỷ USD.

*** Việt Nam vẫn dẫn đầu về cung cấp tôm cho Nhật Bản**

Tính tới 15/7/2023, xuất khẩu (XK) tôm Việt Nam sang Nhật Bản đạt 256 triệu USD, giảm 29% so với cùng kỳ năm 2022.

Thị trường Nhật Bản mua 236 triệu USD tôm từ Việt Nam trong 6 tháng đầu năm nay, giảm 29% so với cùng kỳ. XK tôm Việt Nam sang Nhật Bản trong tháng 6/2023 giảm 35% - mức giảm sâu nhất kể từ tháng 3 năm nay.

XK tôm Việt Nam sang Nhật Bản những tháng đầu năm nay còn gặp khó khăn do đồng yên sụt giá mạnh. Đến đầu tháng 7/2023, đồng yên đã giảm quá mạnh, trên 145 yên cho mỗi USD, khiến việc tiêu thụ tôm vào thị trường này gặp khó khăn vì giá bán phải giảm theo đà giảm của đồng yên.

Trong 3 nhóm sản phẩm tôm chính XK sang Nhật Bản, tôm chân trắng chiếm 63,5%, tôm sú chiếm 17,9% còn lại là tôm loại khác với 18,6%. Khác với những thị trường khác, tỷ trọng XK tôm loại khác của Nhật Bản cao hơn tôm sú. Giá trị XK tôm chân trắng sang Nhật Bản trong nửa đầu năm 2023 đạt 150 triệu USD, giảm 26%, giá trị XK tôm sú giảm 45% đạt 42 triệu USD. Đáng chú ý, XK tôm loại khác sang Nhật Bản tăng đạt 44 triệu USD, giảm 15%.

6 tháng đầu năm 2023, giá trung bình XK tôm chân trắng đông lạnh của Việt Nam sang Nhật Bản dao động từ 6,5-10,3 USD/kg. Giá trung bình tôm sú đông lạnh XK sang Nhật Bản dao động từ 14,1-17,7 USD/kg. Giá trung bình XK tôm chân trắng và tôm sú đông lạnh sang Nhật Bản trong quý 2 năm nay có xu hướng giảm nhẹ so với quý 1 năm nay.

Nhật Bản cũng được nhiều doanh nghiệp tập trung đẩy mạnh xuất khẩu trong năm nay nhờ nhu cầu được đánh giá là ổn định, tỷ suất lợi nhuận ở Nhật Bản tốt hơn do có tỷ lệ hàng tinh chế, phối chế cao. Trong bối cảnh tôm nguyên liệu trong nước giảm do dịch bệnh trên tôm, các sản phẩm tôm Việt Nam chế biến XK sang Nhật Bản giữ được ưu thế hơn so với các thị trường khác.

Một số DN XK tôm lớn nhất sang Nhật Bản như Công ty CP Thực phẩm Sao Ta, Công ty CP Hải Việt, Công ty CP Tập Đoàn Thủy Sản Minh Phú, Công ty CP Thủy sản Minh Phú Hậu Giang....

Trên thị trường Nhật Bản, tôm Việt cũng phải cạnh tranh với tôm Ấn Độ và Ecuador. Theo số liệu của Trung tâm Thương mại Thế giới (ITC), 5 tháng đầu năm nay, trong khi tổng NK tôm chung vào Nhật Bản giảm 11%, NK từ nguồn cung lớn nhất Việt Nam cũng ghi nhận giảm thì Nhật Bản vẫn tăng mạnh NK từ Ấn Độ và Ecuador, lần lượt là 43% và 20%. Số liệu từ Bộ Thương mại Ấn Độ cho thấy, 5 tháng đầu năm nay, Nhật Bản tăng mạnh NK tôm sú từ Ấn Độ.

Việt Nam vẫn là nguồn cung tôm lớn nhất cho Nhật Bản, chiếm thị phần 23,7%. Thái Lan đứng thứ 2 với thị phần 17,7%. Tiếp đó, Ấn Độ đứng thứ 4 với 14,5% và Ecuador xếp thứ 10 với 2,1%.

*** Xuất khẩu mực, bạch tuộc đạt 318 triệu USD tính tới nửa đầu tháng 7/2023**

XK mực, bạch tuộc của Việt Nam từ đầu năm tính tới 15/7/2023 đạt 318 triệu USD, giảm 16% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù không tránh khỏi tăng trưởng âm trong xu hướng sụt giảm chung của XK thủy sản Việt Nam nhưng so với các sản phẩm thủy sản chính XK khác của Việt Nam, giá trị XK mực, bạch tuộc vẫn ghi nhận mức giảm nhẹ hơn.

Riêng tháng 6/2023, XK mực, bạch tuộc đạt hơn 51 triệu USD, giảm 23% so với cùng kỳ. XK mực, bạch tuộc giảm mạnh ở các thị trường chính như Hàn Quốc, Trung Quốc, EU. XK sang một số thị trường châu Á ghi nhận tăng trưởng dương như Thái Lan, Đài Loan, Philippines.

Quý 2/2023, XK mực, bạch tuộc đạt gần 154 triệu USD, giảm 18% so với cùng kỳ. XK mực, bạch tuộc trong quý 2 năm nay ghi nhận mức giảm mạnh hơn so với quý 1. Trong 3 tháng của quý 2 năm nay, XK mực, bạch tuộc liên tục tăng trưởng âm và tháng 6 ghi nhận mức sụt giảm mạnh nhất.

Tác động của lạm phát và suy thoái kinh tế toàn cầu, người dân thắt chặt chi tiêu khiến nhu cầu NK mực, bạch tuộc từ các thị trường tiêu thụ lớn trên thế giới sụt giảm.

Các DN XK mực, bạch tuộc tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn về nguồn nguyên liệu và chi phí đầu vào cho sản xuất tăng cao. Xung đột Nga-Ukraine làm xáo trộn thương mại toàn cầu, giá xăng dầu tăng cao khiến chi phí cho các chuyến biển của bà con ngư dân gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, thẻ vàng IUU chưa được gỡ bỏ vẫn là thách thức cho hoạt động XK mực, bạch tuộc.

Trong cơ cấu các sản phẩm mực, bạch tuộc XK, mực chiếm 57,5%, còn lại bạch tuộc chiếm 42,5%. Hai quý đầu năm 2023, giá trị XK mực giảm 13%, XK bạch tuộc giảm 17% so với cùng kỳ năm 2022.

Bạch tuộc khô/muối/sống/tươi/đông lạnh là sản phẩm chiếm tỷ trọng cao nhất 34% trong cơ cấu các sản phẩm mực, bạch tuộc XK. Đây cũng là nhóm hàng mực, bạch tuộc ghi nhận mức giảm sâu nhất trong nửa đầu năm nay, giảm 21% đạt 99 triệu USD.

Trong số các sản phẩm mực, bạch tuộc XK, trong 6 tháng đầu năm nay, chỉ bạch tuộc chế biến ghi nhận tăng nhẹ 2%, các sản phẩm mực, bạch tuộc còn lại đều giảm từ 8%-21% so với cùng kỳ.

Sáu tháng đầu năm 2023, các sản phẩm mực, bạch tuộc của Việt Nam được XK sang 48 thị trường, so với 53 thị trường so với cùng kỳ năm 2022.

Top 10 thị trường NK mực, bạch tuộc lớn nhất của Việt Nam gồm Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Trung Quốc&HK, Italy, Mỹ, Malaysia, Đài Loan, Tây Ban Nha, Philippines, Pháp và Australia, chiếm 95% tổng XK mực, bạch tuộc của Việt Nam.

Nửa đầu năm 2023, trong cơ cấu các thị trường NK mực, bạch tuộc chính của Việt Nam, tỷ trọng thị trường Thái Lan, CPTPP tăng nhẹ, tỷ trọng thị trường Hàn Quốc, EU, Trung Quốc &HK giảm.

Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan là 3 thị trường NK mực lớn nhất của Việt Nam, lần lượt chiếm tỷ trọng 24%, 18% và 17%. XK mực sang Nhật Bản trong nửa đầu năm 2023 tăng 10% trong khi XK mực sang Hàn Quốc giảm 4%.

Hàn Quốc, Nhật Bản và Trung Quốc&HK là 3 thị trường NK bạch tuộc lớn nhất của Việt Nam, lần lượt chiếm tỷ trọng 57%, 30% và 3%. XK bạch tuộc sang 3 thị trường này đều tăng trưởng dương trong 2 quý đầu năm 2023 trong đó XK bạch tuộc sang Hàn Quốc và Trung Quốc&HK tăng lần lượt 23% và 44%, XK sang Nhật Bản tăng 4%.

Nhật Bản là thị trường NK mực, bạch tuộc đơn lẻ lớn thứ 2 của Việt Nam, chiếm tỷ trọng 19%. Trong top 4 thị trường NK lớn nhất mực, bạch tuộc của Việt Nam, XK mực, bạch tuộc Việt Nam sang Nhật Bản có tín hiệu tích cực nhất. 6 tháng đầu năm 2023, XK mực, bạch tuộc sang Nhật Bản tăng 3% đạt 77 triệu USD.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN CHĂN NUÔI

* TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG THỊT

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Trong quý II/2023, giá thịt heo tại Hoa Kỳ tăng mạnh, nhất là từ tháng 6/2023 đến nay do nguồn cung hạn chế trong bối cảnh chi phí sản xuất cao và dịch tả heo châu Phi bùng phát trở lại ở nhiều nước trên thế giới. Tuy nhiên, giá heo hơi tại Trung Quốc có xu hướng giảm vì sản lượng tăng.

Trong tháng 7/2023, giá heo nạc tại Chicago, Hoa Kỳ liên tục tăng mạnh. Ngày 28/7/2023, giá heo nạc tại Chicago, Hoa Kỳ giao kỳ hạn gần ở mức 101,95 UScent/lb, tăng 7,1% so với cuối tháng 6/2023 và tăng 5,9% so với cùng kỳ năm 2022 nhờ các nước châu Á tăng mua hàng nhập khẩu, nguồn cung tiếp tục hạn chế ở một số nhà xuất khẩu hàng đầu do chi phí sản xuất cao và các vấn đề về dịch bệnh liên quan đến động vật.

Giá thịt heo tại Trung Quốc từ đầu năm 2023 đến nay có xu hướng giảm so với cùng kỳ năm 2022 nên một số nhà sản xuất bắt đầu giảm đàn trong quý II/2023 và tăng khối lượng giết mổ. Giá thịt heo từ đầu năm 2023 đến nay tại Trung Quốc dao động quanh mức 15 NDT/kg (tương đương 2,1 USD/kg), thấp hơn nhiều so với chi phí sản xuất trung bình là 18 NDT/kg. Trong tháng 7/2023, giá heo hơi tại Trung Quốc vẫn dao động ở mức thấp, trung bình đạt 14,23-14,4 NDT/kg. Giá heo hơi Trung Quốc đang tiến gần đến mức giá ở châu Âu, đây là điều chưa từng xảy ra. Trong khi đó, Hoa Kỳ và Bra-xin đang trở thành các nguồn cung cấp thịt heo cạnh tranh hơn so với EU về giá cả.

Ủy ban Phát triển và Cải cách Quốc gia Trung Quốc sẽ bắt đầu đợt thu mua và dự trữ thịt heo vào kho dự trữ trung ương đợt thứ hai, đồng thời hướng dẫn các địa phương thu mua và lưu trữ. Đây là một biện pháp quan trọng nhằm đẩy giá heo hơi về mức hợp lý. Việc thu mua và lưu trữ này rất nhỏ so với nguồn cung trên thị trường và sẽ không làm thay đổi cơ cấu cung và cầu tổng thể. Hiện nguồn cung heo hơi của Trung Quốc vẫn ở mức cao. Ngoài ra, tháng 7 và tháng 8 là mùa thấp điểm tiêu thụ thịt heo tại Trung Quốc nên giá heo hơi khó có thể đảo chiều trong thời gian ngắn.

Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) dự báo sản lượng thịt heo thế giới năm 2023 thực tế không thay đổi ở mức 114,8 triệu tấn. Dự báo sản lượng tăng ở Trung Quốc, Ca-na-da và Bra-xin, bù đắp cho sự sụt giảm ở EU, Nhật Bản, Phi-líp-pin và Mê-hi-cô. Sản lượng của EU tiếp tục giảm do áp lực pháp lý về môi trường, tiêu dùng yếu hơn và chi phí sản xuất cao. Sản lượng thịt heo của Phi-líp-pin ước tính giảm 3% do dịch tả heo châu Phi (ASF) lan rộng tại các vùng sản xuất chính.

Trong khi đó, xuất khẩu thịt heo thế giới năm 2023 được dự báo cao hơn 2% so với dự báo đưa ra hồi tháng 4/2023, đạt 10,8 triệu tấn. Xuất khẩu thịt heo tăng từ Hoa Kỳ và Bra-xin bù đắp cho sự sụt giảm từ Ca-na-da, Anh và EU.

Nguồn cung thịt heo giảm tại EU tạo cơ hội cho Hoa Kỳ và Bra-xin giành thị phần tại châu Á, bao gồm Hàn Quốc và Phi-líp-pin. Nhu cầu mạnh từ Trung Quốc đã mang lại lợi ích cho hầu hết các nhà xuất khẩu thịt heo lớn.

Bra-xin tiếp tục tăng xuất khẩu và lập kỷ lục đối với thịt bò, thịt heo và thịt gà. Xuất khẩu thịt heo của Bra-xin dự kiến sẽ cao hơn 8% so với năm 2022, đạt 1,5 triệu tấn. Điều này là do xuất khẩu sang hầu hết các thị trường ở châu Á tăng, đặc biệt là từ Trung Quốc và Hồng Kông. Giá thức ăn chăn nuôi thấp hơn ở Bra-xin dự kiến sẽ tiếp tục thúc đẩy sản xuất và tăng cường khả năng cạnh tranh về giá.

Theo USDA, Trung Quốc dự kiến sẽ sản xuất 56 triệu tấn thịt heo trong năm 2023, tăng 1,1% so với năm 2022; Khối lượng nhập khẩu ước tính tăng 8,2%, đạt 2,3 triệu tấn.

Theo Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc, sản lượng thịt heo của Trung Quốc trong quý II/2023 đạt 14,4 triệu tấn, tăng 4,6% so với cùng kỳ năm 2022, mức cao nhất quý II trong 10 năm qua. Thông thường, quý II là khoảng thời gian có sản lượng thịt heo của Trung Quốc thấp nhất, do hoạt động giết mổ gia tăng trong dịp Tết Nguyên đán, nhưng năm nay, nguồn cung dồi dào, đàn heo tăng hơn năm trước, ngay cả khi nhu cầu giảm do tăng trưởng kinh tế chậm lại. Trong 6 tháng đầu năm 2023, sản lượng thịt heo của Trung Quốc đạt 30,3 triệu tấn, tăng 3,2% so với cùng kỳ năm 2022; Lượng heo giết mổ đạt 375,48 triệu con, tăng 2,6%; Trong khi đàn heo trong quý II/2023 cũng tăng lên 435,17 triệu con, tăng từ mức 430,94 triệu con trong quý I/2023. Các nhà sản xuất lớn cho biết sẽ giảm sản lượng trong nửa cuối năm 2023.

Theo số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong quý II/2023, Trung Quốc nhập khẩu 1,8 triệu tấn thịt và các sản phẩm từ thịt, trị giá 6,74 tỷ USD, tăng 3,7% về lượng, nhưng giảm 7,8% về trị giá so cùng kỳ năm 2022, chủ yếu nhập khẩu từ Bra-xin, Hoa Kỳ, Tây Ban Nha, Ác-hen-ti-na, Niu Di-Lân, Úc... Trừ Bra-xin và Hoa Kỳ, lượng thịt nhập khẩu của Trung Quốc từ các thị trường này đều tăng so cùng kỳ năm 2022.

Trong quý II/2023, Trung Quốc nhập khẩu 595,93 nghìn tấn thịt trâu, bò (HS 0201; 0202), trị giá 3,24 tỷ USD, giảm 7,1% về lượng và giảm 25% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, chủ yếu nhập khẩu từ Bra-xin, Ác-hen-ti-na, U-ru-goay, Niu Di-Lân, Úc... Trừ Bra-xin và U-ru-goay, lượng thịt trâu, bò nhập khẩu của Trung Quốc từ các thị trường này đều tăng so cùng kỳ năm 2022.

Lượng thịt heo nhập khẩu của Trung Quốc tiếp tục tăng nhẹ trong quý II/2023. Theo số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong quý II/2023, Trung Quốc nhập khẩu 404,62 nghìn tấn thịt heo (HS 0203), với trị giá 914,67 triệu USD, tăng 4,8% về lượng và tăng 20,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Các thị trường cung cấp thịt heo lớn nhất cho Trung Quốc trong quý II/2023 gồm: Tây Ban Nha, Bra-xin, Ca-na-da, Hoa Kỳ, Hà Lan, Chi lê... Nhập khẩu thịt heo của Trung Quốc từ các thị trường này đều tăng so với cùng kỳ năm 2022.

Trong quý II/2023, Trung Quốc nhập khẩu 373,8 nghìn tấn thịt và phụ phẩm của gia cầm (HS 0207), với trị giá 1,18 tỷ USD, tăng 8,2% về lượng và tăng 22% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, chủ yếu nhập khẩu từ Bra-xin, Hoa Kỳ, Nga, Thái Lan, Bê-la-rút... Trừ Hoa Kỳ, lượng thịt và phụ phẩm gia cầm nhập khẩu của Trung Quốc từ các thị trường này đều tăng so cùng kỳ năm 2022.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Trong quý II/2023, giá thịt heo hơi trên cả nước tăng nhẹ; trong khi giá thịt bò và thịt gà hơi (lông màu) duy trì ở mức ổn định. Theo chu kỳ, giá heo hơi thường tăng cao trong quý III và IV hàng năm, nên dự báo giá heo hơi sẽ tiếp tục duy trì ở mức hiện nay hoặc tăng nhẹ trong thời gian tới, tuy nhiên khả năng sẽ khó vượt mốc 70.000 đồng/kg.

Trong tháng 7/2023, giá heo hơi trên cả nước biến động mạnh, sau khi chạm đỉnh cao nhất kể từ đầu năm đến nay ở mức 67.000 đồng/kg (từ ngày 05- 13/7/2023), giá có xu hướng giảm nhẹ trong 2 tuần gần đây. Hiện tại, giá khảo sát ở các tỉnh, thành phố dao động trong khoảng 58.000 - 63.000 đồng/kg. Cụ thể, hiện giá heo hơi tại khu vực miền Bắc dao động trong khoảng 61.000 - 63.000 đồng/kg, giảm 1.000 đồng/kg so với cuối tháng trước. Tại khu vực miền Trung, Tây Nguyên và miền Nam giá heo hơi dao động trong khoảng 58.000 - 61.000 đồng/kg, giảm 1.000 - 2.000 đồng/kg so với cuối tháng trước.

Trong 6 tháng đầu năm 2023, tổng đàn heo của cả nước đạt khoảng 26 triệu con, tăng 2,5%; Sản lượng thịt heo hơi xuất chuồng đạt khoảng 2,32 triệu tấn, tăng 6,5% so với cùng kỳ năm 2022. Tổng số trâu của cả nước giảm khoảng 1,7%; Sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng đạt khoảng 61,2 nghìn tấn, giảm 0,9%. Tổng số bò tăng khoảng 0,9%; Sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng đạt khoảng 245,3 nghìn tấn, tăng 2,6%. Tổng số gia cầm của cả nước tăng khoảng 0,9%; Sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng ước đạt 1041,8 nghìn tấn, tăng 4,8% so với cùng kỳ năm 2022.

Tình hình xuất, nhập khẩu thịt và các sản phẩm từ thịt của Việt Nam trong quý II/2023

Về xuất khẩu: Theo số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam, trong quý II/2023, Việt Nam xuất khẩu được 4,54 nghìn tấn thịt và sản phẩm thịt, trị giá 23,84 triệu USD, giảm 22,7% về lượng và giảm 15,9% về trị giá so với quý I/2023; So với quý II/2022 giảm 12,1% về lượng, nhưng tăng 16% về trị giá. Thịt và sản phẩm thịt của Việt Nam được xuất khẩu chủ yếu sang các nước thuộc khu vực châu Á, trong đó xuất khẩu sang thị trường Hồng Kông là nhiều nhất, chiếm 45,35% về lượng và chiếm 52,69% về trị giá trong tổng xuất khẩu thịt và các sản phẩm thịt của cả nước, với 2,06 nghìn tấn, trị giá 12,56 triệu USD, giảm 19,8% về lượng và giảm 24,4% về trị giá so với quý I/2023; Tuy nhiên so với quý II/2022 lại tăng 2,1% về lượng và tăng 32,4% về trị giá.

Trong quý II/2023, các chủng loại thịt và các sản phẩm từ thịt xuất khẩu chủ yếu gồm: Thịt heo tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh (chủ yếu là thịt heo sữa nguyên con đông lạnh và thịt heo nguyên con đông lạnh) được xuất khẩu sang thị trường Hồng Kông; Thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của gia cầm tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh (chủ yếu là chân gà đông lạnh) được xuất khẩu chủ yếu sang Trung Quốc; Thịt khác và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ của động vật khác, tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh (chủ yếu là thịt ếch đông lạnh) được xuất khẩu chủ yếu sang Bỉ, Pháp, Hoa Kỳ...). Đáng chú ý, trừ thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của gia cầm, xuất khẩu các chủng loại thịt và các sản phẩm từ thịt trên đều sụt giảm so với cùng kỳ năm 2022.

Việt Nam hiện có 67 nhà máy chế biến thịt quy mô công nghiệp, sản phẩm giá trị gia tăng cao (đồ hộp, hun khói, xúc xích...), chế biến phụ phẩm sau giết mổ (nước xương, thức ăn chăn nuôi) đã được đầu tư. Tuy nhiên, quy mô chế biến thịt heo của nước ta mới chỉ ở mức 1,3 triệu tấn/năm, chiếm 20-22% sản lượng heo thịt xuất chuồng. Muốn mở rộng thị trường xuất khẩu thịt, cần phải phát triển mạnh các nhà máy chế biến, với sản phẩm phải đảm bảo các tiêu chuẩn quốc tế.

Thời gian qua Việt Nam đã có nhiều hoạt động đẩy mạnh xúc tiến xuất khẩu thịt và các sản phẩm thịt. Trong đó, sản phẩm gia cầm, đặc biệt là các sản phẩm gia cầm chế biến chín đã được xuất khẩu sang các thị trường khó tính như Nhật Bản, Nga, Hồng Kông và một số thị trường thuộc Liên minh châu Âu. Hiện nay phía Hàn Quốc đang tiến hành đánh giá và dự kiến trong thời gian tới Việt Nam có thể xuất khẩu thịt gia cầm sang Hàn Quốc.

Về nhập khẩu: Nhập khẩu thịt và các sản phẩm từ thịt của Việt Nam tăng trở lại trong quý II/2023. Theo tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam, quý II/2023, Việt Nam nhập khẩu 165,12 nghìn tấn thịt và sản phẩm từ thịt, trị giá 326,8 triệu USD, tăng 26,6% về lượng và tăng 20,4% về trị giá so với quý I/2023; So với quý II/2022, tăng 6,5% về lượng, nhưng giảm 5,3% về trị giá.

Trong quý II/2023, Ấn Độ, Nga, Hoa Kỳ, Bra-xin và Ba Lan là 5 thị trường lớn nhất cung cấp thịt và sản phẩm từ thịt cho Việt Nam. Trong đó, Ấn Độ là thị trường lớn nhất cung cấp thịt và sản phẩm từ thịt cho Việt Nam với 28,62 nghìn tấn, trị giá 87,27 triệu USD, giảm 22,7% về lượng và giảm 16,7% về trị giá so với quý I/2023; So với quý II/2022, giảm 27,8% về lượng và giảm 32,5% về trị giá.

Trong quý II/2023, thịt và các sản phẩm từ thịt nhập khẩu chủ yếu là các chủng loại như: Thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của gia cầm; Phụ phẩm ăn được sau giết mổ của lợn, trâu, bò sống; Thịt heo tươi; Thịt trâu tươi; Thịt bò tươi đông lạnh... Trong đó, nhập khẩu thịt trâu, thịt bò có xu hướng giảm; nhập khẩu thịt gia cầm, thịt heo và phụ phẩm sau khi giết mổ của trâu, bò, lợn lại tăng so với cùng kỳ năm 2022.

Trong quý II/2023, Việt Nam nhập khẩu 27,08 nghìn tấn thịt heo (HS 0203), trị giá 72,56 triệu USD, tăng 11% về lượng và tăng 43,5% về trị giá so với quý II/2022. Nhập khẩu thịt heo có xu hướng tăng trở lại trong tháng 5 và tháng 6/2023, tuy nhiên lượng nhập khẩu thịt heo chỉ chiếm khoảng 3% - 4% so với tổng sản lượng sản xuất thịt heo của cả nước. Đây là con số khá nhỏ và chưa đủ để tác động lên giá heo hơi và giá thịt heo trong nước. Nga, Bra-xin, Đức, Ca-na-da và Hà Lan là 5 thị trường cung cấp thịt heo lớn nhất cho Việt Nam trong quý II/2023.

Thời gian tới, tiêu thụ thịt và các sản phẩm thịt dự kiến sẽ tăng trở lại do nhu cầu tiêu dùng đang dần phục hồi. Do nguồn cung thịt của Việt Nam khá dồi dào, cơ bản đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ trong nước, nên dự báo nhập khẩu thịt và các sản phẩm thịt sẽ khó tăng đột biến. Các mặt hàng thịt và sản phẩm thịt nhập khẩu trong thời gian tới chủ yếu vẫn là các chủng loại thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của gia cầm; Thịt trâu, bò, heo tươi đông lạnh; Phụ phẩm ăn được sau giết mổ của heo, trâu, bò sống đông lạnh...

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN LÚA GẠO

* Bộ Công Thương ra chỉ thị về xuất khẩu gạo và bình ổn thị trường trong nước

Bộ Công Thương ban hành Chỉ thị số 07/CT-BCT ngày 15 tháng 8 năm 2023 về tăng cường công tác thông tin thị trường, xúc tiến thương mại, phát triển thị trường xuất khẩu gạo và bình ổn thị trường trong nước trong giai đoạn hiện nay.

Theo Chỉ thị 07/CT-BCT, thời gian vừa qua, tình hình thương mại lương thực toàn cầu diễn biến phức tạp, khó lường do tác động bởi nhiều yếu tố: lệnh cấm xuất khẩu gạo tại một số nước (An Độ, UAE, Nga); hiện tượng El Nino gây ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất lương thực, ngũ cốc tại nhiều khu vực; diễn biến địa chính trị còn phức tạp (Nga tuyên bố rút khỏi thỏa thuận ngũ cốc Biển Đen)... đã và đang ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu gạo của Việt Nam trong thời gian tới.

Trước bối cảnh đó, để công tác điều hành xuất khẩu gạo đảm bảo mục tiêu tiêu thụ lúa, gạo hàng hóa, đảm bảo lợi ích của người trồng lúa; cân đối xuất khẩu và tiêu dùng nội địa, đảm bảo dự trữ lưu thông tối thiểu theo quy định; đảm bảo xuất khẩu có hiệu quả; đồng thời triển khai thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 610/CD-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2023 về việc tăng cường thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu gạo và Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia và thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu gạo bền vững trong giai đoạn hiện nay, Bộ trưởng Bộ Công Thương yêu cầu các đơn vị, cơ quan chức năng liên quan thuộc Bộ Công Thương, Sở Công Thương các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương, Hiệp hội Lương thực Việt Nam và thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp cụ thể sau đây:

Ngăn chặn các hành vi vi phạm về niêm yết giá, đầu cơ, găm hàng, định giá bất hợp lý đối với mặt hàng gạo

Theo đó, Tổng cục Quản lý thị trường có nhiệm vụ chỉ đạo lực lượng quản lý thị trường tại địa phương tăng cường phối hợp với các cơ quan chức năng tại các địa phương theo dõi sát tình hình giá gạo, kiểm tra, kiểm soát các cơ sở kinh doanh, đầu mối bán buôn, bán lẻ, các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, các kho nhằm kiểm soát nguồn cung, giá bán, ngăn chặn các hành vi vi phạm về niêm yết giá, đầu cơ, găm hàng, định giá bất hợp lý đối với mặt hàng gạo. Tăng cường kiểm tra, ngăn chặn việc vận chuyển, kinh doanh gạo không rõ nguồn gốc, xuất xứ. Xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm.

Bên cạnh đó, phối hợp với Cục Xuất nhập khẩu triển khai kiểm tra thi hành pháp luật về kinh doanh xuất khẩu gạo theo quy định tại Nghị định số 107/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo.

Khẩn trương hoàn thiện dự thảo Nghị định 107 về kinh doanh, xuất khẩu gạo

Cục Xuất nhập khẩu có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan để khẩn trương hoàn thiện dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 107/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo, trình Chính phủ trong Quý III năm 2023 theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 24/CT-TTg và của Lãnh đạo Chính phủ tại văn bản số 491/VPCP-KTTH ngày 31 tháng 01 năm 2023.

Đồng thời, chủ trì, phối hợp với đơn vị chức năng thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Hiệp hội Lương thực Việt Nam, các Vụ thị trường ngoài nước, Thương vụ, Chi nhánh Thương vụ Việt Nam tại các quốc gia, vùng lãnh thổ theo dõi sát diễn biến thị trường gạo thế giới; phối hợp theo dõi tình hình sản xuất lúa gạo, diễn biến cung cầu, giá cả thị trường lúa, gạo nội địa; tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ công tác điều hành xuất khẩu gạo trong tình hình mới.

Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, các đơn vị, cơ quan chức năng liên quan thuộc Bộ và Hiệp hội Lương thực Việt Nam triển khai kiểm tra thi hành pháp luật về kinh doanh xuất khẩu gạo theo quy định tại Nghị định số 107/2018/NĐ-CP; phối hợp với các Vụ thị trường nước ngoài tổng hợp thông tin từ Thương vụ Việt Nam tại nước ngoài về tình hình thị trường, thương mại gạo thế giới, động thái cơ chế chính sách của các nước sản xuất, xuất khẩu gạo, để báo cáo Lãnh đạo Bộ và thông tin đến các bộ, ngành, Hiệp hội Lương thực Việt Nam, thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo để chủ động điều tiết hoạt động sản xuất, kinh doanh, đảm bảo hiệu quả; thực hiện các công tác triển khai Chiến lược phát triển thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 583/QĐ-TTg ngày 26 tháng 5 năm 2023; phối hợp với Cục Xúc tiến thương mại, các Vụ Thị trường ngoài nước, Thương vụ, Chi nhánh Thương vụ Việt Nam tại các quốc gia, vùng lãnh thổ và Hiệp hội Lương thực Việt Nam tích cực triển khai công tác xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm gạo để củng cố, mở rộng thị trường; làm việc với Hiệp hội Lương thực Việt Nam và các thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo để nắm bắt thông tin, hỗ trợ hướng dẫn, nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh, khả năng đàm phán, ký kết, thực hiện hợp đồng xuất khẩu, kịp thời cập nhật tình hình xuất khẩu gạo và hỗ trợ thương nhân xử lý vướng mắc trong trường hợp cần thiết.

Tiếp tục đôn đốc Hiệp hội Lương thực Việt Nam và các thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo thực hiện nghiêm túc các quy định tại Nghị định số 107/2018/NĐ-CP về: thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về lượng lúa, gạo tồn kho, tình hình ký kết và thực hiện hợp đồng xuất khẩu gạo; thu mua lúa, gạo hàng hóa nhằm đảm bảo cân đối xuất khẩu và tiêu dùng nội địa; duy trì mức dự trữ lưu thông theo quy định, góp phần bình ổn giá lúa, gạo tại thị trường trong nước và đảm bảo an ninh lương thực.

Vụ Pháp chế được giao nhiệm vụ phối hợp với Cục Xuất nhập khẩu hoàn thiện dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 107/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo, trình Chính phủ theo đúng chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ. Bên cạnh đó, phối hợp với Cục Xuất nhập khẩu trong công tác triển khai kiểm tra thi hành pháp luật về kinh doanh xuất khẩu gạo theo quy định tại Nghị định số 107/2018/NĐ-CP.

Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, tìm thị trường cho xuất khẩu gạo

Chỉ thị cũng nêu rõ, Cục Xúc tiến thương mại có trách nhiệm bố trí kinh phí cho các chương trình xúc tiến thương mại gạo trong Chương trình cấp quốc gia về Xúc tiến thương mại hàng năm, nhất là các chương trình xúc tiến thương mại gạo phù hợp với tín hiệu thị trường và tạo điều kiện để thương nhân khai thác hiệu quả lợi thế từ các Hiệp định thương mại tự do (FTA) mà nước ta là thành viên nhằm đa dạng hóa, chiếm lĩnh các thị trường mới, tiềm năng và nâng cao sức cạnh tranh cho ngành hàng gạo Việt Nam.

Chủ trì, phối hợp Cục Xuất nhập khẩu, các Vụ Thị trường ngoài nước và các cơ quan, tổ chức liên quan đẩy mạnh hoạt động quảng bá, giới thiệu sản phẩm gạo của các doanh nghiệp xuất khẩu gạo Việt Nam đến các nhà phân phối trong nước và ngoài nước.

Cục Phòng vệ thương mại triển khai các hoạt động cảnh báo nguy cơ bị điều tra phòng vệ thương mại, chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại và trợ giúp thương nhân xuất khẩu gạo trong trường hợp bị nước nhập khẩu điều tra, áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại, chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Đối với Vụ Chính sách thương mại đa biên, trong quá trình đàm phán tại các diễn đàn song phương, đa phương, phối hợp với Cục Xuất nhập khẩu và các Vụ Thị trường ngoài nước đàm phán về mở cửa thị trường và các biện pháp phi thuế quan đối với mặt hàng gạo để gỡ bỏ các rào cản, tạo thuận lợi cho xuất khẩu gạo của Việt Nam. Đồng thời, tận dụng tiến trình rà soát các Hiệp định đã được đưa vào thực thi để đề nghị các đối tác mở cửa thêm, gia tăng hạn ngạch thuế quan dành cho sản phẩm gạo của Việt Nam.

Đồng thời, xây dựng hệ sinh thái hỗ trợ ngành gạo tận dụng hiệu quả các FTA; kịp thời thông tin về những thuận lợi, khó khăn và các vấn đề cần lưu ý đối với xuất khẩu gạo của Việt Nam vào các thị trường mà Việt Nam đã ký kết, tham gia các Hiệp định song phương và đa phương.

Vụ Thị trường châu Á – châu Phi, Vụ Thị trường châu Âu – châu Mỹ được chỉ đạo Thương vụ Việt Nam tại các nước theo dõi sát thông tin về tình hình thị trường, động thái cơ chế chính sách xuất khẩu, nhập khẩu gạo của nước sở tại; đăng tải thông tin trên cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương và thông báo tới Cục Xuất nhập khẩu và các cơ quan, đơn vị liên quan để kịp thời phối hợp, triển khai các công tác điều tiết, điều hành, hỗ trợ cần thiết.

Riêng đối với các thị trường sản xuất, xuất khẩu gạo (như: thị trường Ấn Độ, Thái Lan, Pakistan, Campuchia, Hoa Kỳ,...), Thương vụ Việt Nam tại nước sở tại tăng cường chủ động cập nhật tình hình mùa vụ sản xuất, giá gạo tiêu thụ tại thị trường sở tại, tình hình xuất khẩu và các động thái chính sách liên quan đến bối cảnh thị trường lương thực toàn cầu nhiều biến động; thông tin thường xuyên hoặc đột xuất về Cục Xuất nhập khẩu và các Vụ Thị trường ngoài nước. Hai Vụ thị trường ngoài nước đồng thời căn cứ theo dõi tình hình thực hiện và kịp thời xúc tiến đàm phán gia hạn các Bản Ghi nhớ về thương mại gạo đã ký; tăng cường tìm kiếm cơ hội ký kết thỏa thuận về thương mại gạo với các thị trường mới, thị trường tiềm năng. Chủ trì theo dõi, hỗ trợ doanh nghiệp đầu mối được chỉ định thực hiện Bản Ghi nhớ thương mại gạo và các thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo khác tìm kiếm cơ hội để thúc đẩy xuất khẩu gạo tại các thị trường.

Song song với đó, chỉ đạo Thương vụ tại các quốc gia và vùng lãnh thổ phối hợp với các Văn phòng Xúc tiến thương mại, Trung tâm giới thiệu sản phẩm Việt Nam; giới thiệu sản phẩm Việt Nam tăng cường tiếp thị mặt hàng gạo, triển khai các hoạt động quảng bá sản phẩm gạo Việt Nam tại thị trường nước ngoài; đặc biệt với các loại gạo chất lượng cao, có giá trị gia tăng cao để thâm nhập các thị trường khó tính, thị trường ngạch.

Chủ động phối hợp với Cục Xuất nhập khẩu và các cơ quan, đơn vị liên quan tăng cường công tác xúc tiến thương mại, Trung tâm giới thiệu sản phẩm Việt Nam và năng lực xuất khẩu gạo của thương nhân Việt Nam; đồng thời, triển khai các công tác phối hợp khác có liên quan nhằm kịp thời điều tiết, điều hành, xử lý vướng mắc, hỗ trợ hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu gạo của thương nhân trong trường hợp cần thiết.

Đảm bảo cung cầu gạo ở thị trường trong nước

Ở thị trường trong nước, Vụ Thị trường trong nước có trách nhiệm theo dõi sát tình hình thị trường, chủ động chỉ đạo Sở Công Thương địa phương có phương án chuẩn bị nguồn cung, đảm bảo chất lượng và cân đối cung cầu mặt hàng gạo tại thị trường trong nước, đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu của người dân, góp phần bình ổn giá gạo nói riêng và giá lương thực nói chung, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia.

Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đôn đốc các doanh nghiệp tham gia Chương trình Bình ổn thị trường trên địa bàn có phương án về nguồn hàng thóc, gạo để đảm bảo cung ứng cho thị trường từ nay đến cuối năm; xử lý nghiêm các trường hợp đầu cơ, trục lợi bất chính, đẩy giá lúa, gạo lên cao bất hợp lý, gây bất ổn thị trường trong nước. Chỉ đạo các doanh nghiệp xuất khẩu gạo trên địa bàn duy trì lượng lúa, gạo dự trữ bình ổn thị trường theo quy định để sẵn sàng cung ứng ra thị trường khi cần thiết.

Đồng thời, tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ có liên quan theo quy định tại Nghị định số 107/2018/NĐ-CP và thực hiện nhiệm vụ tại Chi thị số 24/CT-TTg về việc tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất, lưu thông, tiêu thụ lúa, gạo trên địa bàn và việc duy trì mức dự trữ lương thực tối thiểu của thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo theo quy định; xử lý nghiêm các trường hợp đầu cơ, trục lợi bất chính, đẩy giá lúa gạo lên cao bất hợp lý, gây bất ổn thị trường trong nước, ảnh hưởng đến uy tín gạo Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Hiệp hội Lương thực Việt Nam căn cứ theo dõi sát diễn biến tình hình thị trường gạo thế giới, dự báo nhu cầu nhập khẩu của các thị trường; diễn biến tình hình thị trường trong nước (giá lúa, gạo nội địa, lượng gạo tồn kho,...), chủ động phối hợp với đơn vị chức năng của Bộ Công Thương đề xuất các biện pháp xử lý đảm bảo an ninh lương thực và hiệu quả trong xuất khẩu gạo.

Chủ trọng tăng cường công tác thông tin diễn biến tình hình thị trường gạo thế giới đến các hội viên xuất khẩu và các địa phương liên quan, bảo đảm các thông tin chính xác, kịp thời, góp phần tạo cơ sở định hướng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của thương nhân và của người sản xuất.

Chỉ đạo hội viên Hiệp hội thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất và các quy định tại Nghị định số 107/2018/NĐ-CP. Chủ động đề xuất với Bộ Công Thương các chương trình xúc tiến thương mại vào các thị trường và cách tiếp cận đối với từng thị trường cụ thể. Căn cứ đặc điểm thị trường, phương thức kinh doanh, nhập khẩu của các đối tác, Hiệp hội Lương thực Việt Nam hỗ trợ, điều phối các thương nhân xuất khẩu gạo tiếp cận phù hợp đối với từng thị trường.

Các thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất và duy trì mức dự trữ lương thực tối thiểu theo quy định tại Nghị định số 107/2018/NĐ-CP.

Chủ động theo dõi sát tình hình thương mại gạo thế giới, động thái của các nước xuất khẩu, nhu cầu tiêu thụ của các nước nhập khẩu, trao đổi cùng Hiệp hội để xây dựng phương án tổ chức sản xuất, giao dịch, đàm phán đảm bảo hiệu quả xuất khẩu.

Tích cực tham gia chương trình bình ổn thị trường trên địa bàn, góp phần bình ổn giá lúa, gạo nội địa, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia.

Xây dựng kế hoạch cụ thể từng bước nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh; xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, nhân viên làm nghiệp vụ xuất nhập khẩu, công tác thị trường, marketing theo hướng chuyên nghiệp; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nắm bắt, khai thác thông tin thị trường, đàm phán, ký kết thực hiện hợp đồng, xử lý tranh chấp thương mại quốc tế.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP

* Tổng quan thị trường thức ăn chăn nuôi và dự báo

- Thị trường thế giới

Trong tháng 7/2023, giá các chủng loại nguyên liệu chính sản xuất thức ăn chăn nuôi trên thị trường thế giới diễn biến theo những xu hướng khác nhau. Trong nước, giá các loại nguyên liệu thức ăn chăn nuôi cũng tăng hoặc giảm trái chiều so với tháng trước, tùy theo từng mặt hàng cụ thể. Dự báo trong thời gian ngắn tới đây, giá thức ăn chăn nuôi sẽ dần ổn định và không có nhiều biến động mạnh khi cả nguồn cung và tiêu thụ đều cải thiện tích cực.

- Diễn biến giá cả:

Trong tháng 7/2023, giá bắp tại các thị trường xuất khẩu chính trên thế giới diễn biến trái chiều, trong khi giá bắp của Mỹ và Brazil tăng thì giá bắp của Achantina và Ukraine giảm nhẹ so với tháng 6/2023. Giá bắp Mỹ tăng 3 USD/tấn lên 272 USD/tấn do điều kiện khô hạn ở vành đai bắp Trung Tây nước Mỹ. Giá bắp Brazil tăng 5 USD/tấn lên 245 USD/tấn do nhu cầu nhập khẩu tăng. Ngược lại, giá bắp Achantina giảm 11 USD/tấn xuống 241 USD/tấn. Giá bắp Ukraine giảm 10 USD/tấn xuống 215 USD/tấn.



Giá lúa mì thế giới tháng 7/2023 giảm trong tuần đầu của tháng nhưng đã tăng sau khi Nga tuyên bố rút khỏi thỏa thuận ngũ cốc Biển Đen Nga - Ukraine vào ngày 17/7/2023. Lúa mì Mỹ tăng 12 USD/tấn lên 356 USD/tấn. Lúa mì EU tăng 14 USD/tấn lên 264 USD/tấn. Giá lúa mì Canada tăng 10 USD/tấn lên 332 USD/tấn. Giá lúa mì của Achantina tăng 28 USD/tấn lên 378 USD/tấn.

Tháng 7/2023, giá đậu tương thế giới tăng so với tháng 6/2023 do triển vọng thời tiết bất lợi kéo dài gây tổn thất cho mùa màng ở khu vực Trung Tây nước Mỹ. Giá trung bình trong tháng này là 14,2 USD/bushel.

- Diễn biến cung cầu:

+ Đậu tương

Theo báo cáo mới nhất của USDA dự báo sản lượng đậu tương của Brazil trong vụ 2023/2024 tăng 1 triệu tấn lên 156 triệu tấn, ngược lại sản lượng của Achantina giảm 2 triệu tấn xuống 25 triệu tấn. Lượng nghiền đậu tương toàn cầu trong năm 2023/2024 dự báo giảm chủ yếu do lượng nghiền giảm ở Achantina.

Dự trữ cuối vụ 2023/2024 trên toàn cầu ước tính tăng 0,8 triệu tấn lên 123,3 triệu tấn với dự trữ tăng ở Mỹ, Brazil và EU, ngược lại giảm ở Achantina và Việt Nam.

+ Bắp

USDA dự báo sản lượng bắp thế giới trong niên vụ mới 2023/2024 đạt 1224,5 triệu tấn, tăng 6,4% so với niên vụ 2022/2023 (tăng 1150,7 triệu tấn). Trong đó, sản lượng ngô tại Hoa Kỳ dự báo đạt 389,1 triệu tấn, tăng 11,6% so với vụ trước, sản lượng bắp tại Trung Quốc sẽ tăng 1% lên 280 triệu tấn. Liên minh Châu Âu tăng 19,7% lên mức 63,4 triệu tấn, trong khi Ukraine sẽ giảm 7,4% với 25 triệu tấn.

Đối với Brazil, dự báo sản lượng sẽ đạt 129 triệu tấn, giảm 3% so với niên vụ trước, trong khi sản lượng Argentina sẽ đạt 54 triệu tấn, tăng 58,8% so với niên vụ trước.

Xuất khẩu bắp thế giới dự báo sẽ tăng 12,3%, từ 176,6 triệu tấn trong niên vụ 2022/2023 lên 198,3 triệu tấn trong niên vụ mới này, với Hoa Kỳ là nước xuất khẩu ngũ cốc lớn thứ hai, đạt 53,3 triệu tấn, tăng 27,3% so với mùa trước.

Tiêu thụ bắp toàn cầu cũng được dự báo tăng với kỳ vọng giá bắp giảm sẽ khuyến khích nhu cầu tiêu thụ bắp trên toàn thế giới, chủ yếu để sử dụng làm thức ăn chăn nuôi. Tồn kho cuối năm được dự báo tăng, gần như hoàn toàn là do dự trữ tại Mỹ tăng lên.

+ *Lúa mì*

Báo cáo tháng 6/2023 của USDA dự báo nguồn cung toàn cầu dự kiến tăng 10,8 triệu tấn lên 1.066,9 triệu tấn, chủ yếu do sản lượng tăng ở Nga, Ấn Độ, EU và Ukraine.

Sản lượng của Nga dự báo tăng 3,5 triệu tấn lên 85 triệu tấn, do thời tiết thuận lợi. Sản lượng của Ấn Độ tăng 3,5 triệu tấn lên 113,5 triệu tấn. Sản lượng của EU ước tính tăng 1,5 triệu tấn lên 140,5 triệu tấn nhờ điều kiện lúa mì vụ đông tiếp tục thuận lợi ở hầu hết các nước thành viên EU. Sản lượng của Ukraine dự báo tăng 1 triệu tấn lên 17,5 triệu tấn nhờ điều kiện thời tiết thuận lợi ở miền Nam Ukraine nhưng sản lượng vẫn thấp hơn năm ngoái do diện tích thu hoạch giảm.

Nguồn cung tăng thúc đẩy thương mại toàn cầu gia tăng, dự kiến tăng 2,9 triệu tấn lên 212,6 triệu tấn do xuất khẩu của Nga, EU, Ấn Độ và Ukraine được điều chỉnh cao hơn. Nhập khẩu được dự báo cao hơn với nhu cầu lớn hơn từ Trung Quốc do một số khu vực trồng trọt bị ảnh hưởng bởi mưa lớn.

Dự trữ lúa mì toàn cầu cuối vụ 2023/2024 dự kiến tăng 6,4 triệu tấn lên 270,7 triệu tấn, chủ yếu là do dự trữ của Ấn Độ, Nga và EU tăng.

Thị trường trong nước:

- Diễn biến giá cả:

Trong tháng 7/2023 giá các loại nguyên liệu thức ăn chăn nuôi biến động trái chiều so với tháng trước Cụ thể như sau:

Giá khô dầu đậu tương Nam Mỹ tại Vũng Tàu (hàng xá) là 15.300 đ/kg; tại Cái Lân (Quảng Ninh) là 15.800 đ/kg; Giá bắp Nam Mỹ đạt mức 9.800 đ/kg, giảm từ 50 - 200 đ/kg, tùy chủng loại.

Giá sản tươi và sản lát tại miền Bắc, miền Trung và Đắc Lắc trong tháng 7/2023 tăng so với cuối tháng 6/2023 do khan hiếm nguồn cung giao ngay, giá tại Tây Ninh, Gia Lai dao động từ 3.050 – 3.850 đ/kg, tăng từ 50 – 150 đ/kg tùy khu vực.

Giá cám gạo trong tháng 7/2023 tăng từ 200 – 500 đ/kg do nhu cầu tiêu thụ tăng. Giá cám gạo tại Đồng Tháp là 8.400 – 8.700 đ/kg; tại Kiên Giang là 8.500 đ/kg; tại An Giang là 8.500 – 9.000 đ/kg; tại Bình Phước là 8.800 đ/kg; tại Hà Nội là 8.900 đ/kg.

Theo thông báo của một số công ty sản xuất kinh doanh thức ăn chăn nuôi, kể từ ngày 10/7/2023, giá thức ăn chăn nuôi các loại sẽ giảm từ 100 đến 400 đ/kg. Đây là đợt giảm giá lần thứ 3 trong năm 2023. Tính từ đầu năm 2023 đến nay, giá thức ăn chăn nuôi các loại giảm từ 300 đến 1.200 đ/kg. Các doanh nghiệp cho biết đây là giải pháp nhằm chia sẻ, hỗ trợ khó khăn với người chăn nuôi, đặc biệt là các hộ nông dân chăn nuôi nhỏ lẻ, vượt qua giai đoạn rất khó khăn hiện nay.

Theo đó, Công ty TNHH CJ Vina Agri áp dụng mức giảm 80 đ/kg đối với các sản phẩm thức ăn cho bò, dê; 120 đ/kg đối với các sản phẩm thức ăn cho gia cầm thịt, trứng; các sản phẩm cho lợn con và thức ăn đậm đặc giảm 300 đ/kg và giảm 160 đ/kg đối với các sản phẩm cho lợn còn lại.

Công ty TNHH Thức ăn công nghiệp Hòa Phát Đồng Nai áp dụng mức giảm từ 100 - 400 đ/kg đối với các sản phẩm thức ăn chăn nuôi do công ty sản xuất và áp dụng cho địa bàn từ Đà Nẵng đến Cà Mau.

Đối với các sản phẩm thuộc thương hiệu VINA HAPPY của Công ty TNHH Vina sẽ áp dụng mức giảm từ 100 - 300 đ/kg.

Công ty Uni President Việt Nam giảm 100 đ/kg đối với các sản phẩm cho gà thả vườn, gà thịt, vịt thịt, gà đẻ, vịt đẻ, cút, thỏ, bò, dê; giảm 160 đ/kg thức ăn cho lợn các loại và riêng thức ăn lợn con đậm đặc áp dụng mức giảm 300 đ/kg.

Hệ thống nhà máy thức ăn Proconco, Anco áp dụng mức điều chỉnh giảm 400 đ/kg đối với các sản phẩm cho heo con, sản phẩm đậm đặc các loại; 160 đ/kg cho thức ăn heo thịt; 120 đ/kg cho thức ăn gia cầm thịt và các sản phẩm còn lại áp dụng mức giảm 100 đ/kg.

Dự báo: Việc điều chỉnh giảm giá thức ăn chăn nuôi cộng với giá bán các loại sản phẩm chăn nuôi đang dần phục hồi và tiêu thụ thuận lợi hơn sẽ là những yếu tố giúp cho người chăn nuôi tích cực tái đàn sau một giai đoạn giá bán các sản phẩm chăn nuôi liên tục ở mức thấp và kéo dài.

- Tình hình nhập khẩu:

+ Kim ngạch nhập khẩu

Trong hai tuần đầu tháng 7/2023, kim ngạch nhập khẩu thức ăn gia súc và nguyên liệu của Việt Nam ước đạt 281,6 triệu USD. Tính từ đầu năm đến giữa tháng 7/2023, kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này đạt 2.618 tỉ USD.

Trước đó, theo số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng thức ăn gia súc và nguyên liệu tháng 6/2023 tăng 2,7% so với tháng 5/2023 nhưng giảm 29,6% so với tháng 6/2022, đạt 405,63 triệu USD. Tính chung trong 6 tháng năm 2023 nhập khẩu nhóm hàng này đạt trên 2,34 tỉ USD, giảm 10,7% so với 6 tháng năm 2022.

+ Thị trường nhập khẩu

Trong 6 tháng đầu năm 2023, Việt Nam nhập khẩu thức ăn gia súc và nguyên liệu nhiều nhất từ thị trường Achantina, chiếm 25,4% trong tổng kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này của cả nước, đạt gần 592,82 triệu USD, giảm 20,9% so với 6 tháng năm 2022; trong đó riêng tháng 6/2023 đạt 113,86 triệu USD, tăng mạnh 37,5% so với tháng 5/2023 nhưng giảm 43% so với tháng 6/2022.

+ Chủng loại nhập khẩu

*** Bắp**

Theo thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, nhập khẩu bắp trong tháng 6/2023 đạt 505.602 tấn, trị giá 155,38 triệu USD, giá trung bình 307,3 USD/tấn, tăng 26,8% về lượng và tăng 18,3% kim ngạch so với tháng 5/2023, giá giảm 6,7%; so với tháng 6/2022 cũng giảm mạnh 49,5% về lượng, giảm 59,6% về kim ngạch và giảm 19,9% về giá.

Tính chung 6 tháng năm 2023 đạt trên 3,71 triệu tấn, trị giá trên 1,24 tỉ USD, giá trung bình 332,7 USD/tấn, giảm 18,4% về lượng, giảm 23% kim ngạch và giảm 5,7% về giá so với 6 tháng năm 2022.

Brazil là thị trường chủ đạo cung cấp bắp cho Việt Nam trong 6 tháng năm 2023, chiếm trên 37% trong tổng lượng và tổng kim ngạch nhập khẩu bắp của cả nước, đạt 1,38 triệu tấn, trị giá gần 459,87 triệu USD, giá 333,4 USD/tấn, tăng mạnh 298,6% về lượng, tăng 307,2% kim ngạch và tăng 2,2% về giá so với 6 tháng năm 2022.

*** Lúa mì**

Trong tháng 6/2023 cả nước nhập khẩu 447.051 tấn lúa mì, trị giá 150,23 triệu USD, giá trung bình 336 USD/tấn, tăng 18% về lượng và tăng 1,4% kim ngạch so với tháng 5/2023, nhưng giá giảm 14%. So với tháng 6/2022 thì tăng mạnh 45,5% về lượng, tăng 31,3% kim ngạch nhưng giảm 9,8% giá.

Tính chung trong 6 tháng năm 2023 lượng lúa mì nhập khẩu của cả nước đạt trên 2,48 triệu tấn, trị giá trên 892,14 triệu USD, tăng 10,4% về khối lượng, tăng 6,9% về kim ngạch so với 6 tháng năm 2022, giá trung bình đạt 359,6 USD/tấn, giảm nhẹ 3,1%.

*** Đậu tương**

Nhập khẩu đậu tương trong tháng 6/2023 đạt 240.419 tấn, trị giá 140,15 triệu USD, giá trung bình 583 USD/tấn, tăng 70,6% về lượng và tăng 62,2% kim ngạch so với tháng 5/2023, nhưng giá giảm 4,9%; so với tháng 6/2022 cũng tăng 107,6% về lượng, tăng 63,9% về kim ngạch nhưng giảm 21% về giá. Tính chung 6 tháng năm 2023 cả nước nhập khẩu 1,12 triệu tấn đậu tương, trị giá gần 728,13 triệu USD, giá trung bình 651,2 USD/tấn, tăng 8,4% về lượng, tăng 3,4% kim ngạch nhưng giảm 4,6% về giá so với 6 tháng năm 2022.

Đậu tương nhập khẩu về Việt Nam từ thị trường Mỹ nhiều nhất, trong tháng 6/2023 tiếp tục giảm mạnh gần 58% cả về lượng và kim ngạch so với tháng 5/2023, giá giảm nhẹ 0,03%, đạt 23.466 tấn, trị giá 15,09 triệu USD, giá 642,9 USD/tấn; Tính chung, 6 tháng năm 2023 nhập khẩu đậu tương từ thị trường này đạt 467.497 tấn, trị giá 320,55 triệu USD, tăng mạnh 28,3% về lượng, tăng 32% về kim ngạch, giá tăng 2,9% so với cùng kỳ năm trước.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

* Xúc tiến xuất khẩu nông sản sang UAE: Quan trọng là giá cả phải cạnh tranh

Thương vụ Việt Nam tại Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE) cho hay, UAE có nhu cầu cao với các loại nông sản nhưng thị trường này yêu cầu tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm cao, đặc biệt giá thành đòi hỏi rất cạnh tranh.

Hiện tại, lĩnh vực nông nghiệp của UAE chỉ chiếm 0,9% trong cơ cấu kinh tế của nước này nên UAE hầu như phải phụ thuộc vào nhập khẩu trái cây, nông sản, thực phẩm... để đáp ứng nhu cầu trong nước và tái xuất khẩu.

Do đó, UAE hầu như không có rào cản thương mại đối với việc nhập khẩu các sản phẩm nói trên. Tuy nhiên, các sản phẩm khi nhập khẩu vào UAE phải đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, đặc biệt là về hàm lượng hóa chất, thuốc trừ sâu trên sản phẩm không được phép vượt quá mức quy định. Ngoài ra, đối với nhóm thực phẩm và đồ uống, mỹ phẩm... cần phải có giấy chứng nhận tiêu chuẩn Halal.



Mặt khác, UAE là thị trường mở, nên có thuận lợi là nhu cầu nhập khẩu nhiều loại sản phẩm để phục vụ tiêu dùng trong nước mà không bị hạn chế hay cấm. Tuy nhiên, khó khăn và thách thức đối với sản phẩm của Việt Nam là cạnh tranh về giá rất cao.

Các nhà nhập khẩu, phân phối và hệ thống siêu thị tại UAE hiện có nhiều nhà cung cấp từ nhiều quốc gia khác nhau cho cùng một loại sản phẩm, do đó, những sản phẩm như xoài, cà phê, chè của Việt Nam sẽ gặp phải sự cạnh tranh gay gắt từ các sản phẩm cùng loại của Ấn Độ, Brazil, Indonesia, Thái Lan,....

Qua trao đổi với các nhà nhập khẩu, Thương vụ Việt Nam tại UAE lưu ý, khi xem báo giá cho cùng một sản phẩm từ các nhà cung cấp khác nhau, họ sẽ chỉ chọn nhà cung cấp có báo giá thấp nhất. Do đó, nếu nhà cung cấp nào báo giá cao là bị loại ngay.

Ngoài ra, Việt Nam cũng gặp thách thức bởi chi phí vận chuyển từ Việt Nam sang UAE cao hơn so với cước phí từ các nước có vị trí địa lý gần UAE hơn.

Tổng kim ngạch thương mại hai chiều Việt Nam - UAE 7 tháng năm 2023 ước đạt trên 2,66 tỷ USD, giảm 8,98% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, tổng kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng phi dầu khí của Việt Nam sang UAE ước đạt 2,26 tỷ USD, giảm 16,05%; tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ UAE đạt trên 410 triệu USD, tăng mạnh 70,8% so với cùng kỳ năm 2022. Trong 7 tháng năm 2023, Việt Nam ước ghi nhận mức thặng dư thương mại lớn đối với UAE, ước đạt trên 1,85 tỷ USD.

* Anh gia nhập CPTPP: Thêm rộng cửa cho xuất khẩu nông sản của Việt Nam

Phiên họp Hội đồng Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) được tổ chức vào giữa tháng 7/2023 đã chính thức ghi nhận thêm một thành viên mới là Vương quốc Anh. Kết hợp với việc thực thi Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Vương quốc Anh (UKVFTA), xuất khẩu nông sản Việt đang đứng trước những cơ hội rộng mở tại quốc gia bắc Âu này.

Hiện tại, Anh là nền kinh tế lớn thứ sáu thế giới, với thị trường gần 70 triệu dân, thuộc nhóm nước dẫn đầu toàn cầu về xuất khẩu dịch vụ tài chính-ngân hàng và đầu tư, việc Anh tham gia CPTPP được kỳ vọng mở ra tiềm năng hợp tác thương mại lớn cho các thành viên CPTPP nói chung và Việt Nam nói riêng. Nông nghiệp ở Vương quốc Anh sử dụng 69% diện tích đất, 1,5% lực lượng lao động (476.000 người) và đóng góp 0,62% tổng giá trị gia tăng (9,9 tỷ bảng Anh). Nông nghiệp cung cấp

khoảng 60% nhu cầu lương thực của nước này. Mặc dù hoạt động nông nghiệp diễn ra ở hầu hết các địa điểm nông thôn, nhưng tập trung đa số ở Đông Anglia (cây trồng) và vùng Tây Nam (chăn nuôi). Sản phẩm nông nghiệp gồm: ngũ cốc, dầu ăn, khoai tây, rau; gia súc, cừu, gia cầm; cá..

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Vương quốc Anh và Bắc Ireland là đối tác chiến lược và quan trọng đối với nông nghiệp Việt Nam. Năm 2021, kim ngạch thương mại song phương Việt Nam và Vương quốc Anh đạt hơn 6,6 tỷ USD; tăng trưởng hơn 17%. Trong đó, thương mại nông, lâm, thủy sản giữa 2 nước tăng trưởng đều đặn ở mức 6%/năm, đạt gần 1 tỷ USD năm 2021.

Năm 2022, Anh đẩy mạnh nhập khẩu nhiều sản phẩm nông sản của Việt Nam. Đơn cử, 8 tháng đầu năm, xuất khẩu cà phê sang Anh đạt 34,68 nghìn tấn; trị giá 70,68 triệu USD; tăng 57,9% về lượng và tăng 84,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Theo Thương vụ Việt Nam tại Anh, xuất khẩu gạo sang Anh, trong đó có gạo ST25, có thể tăng mạnh vào đầu năm 2023...

Dư địa để thúc đẩy giao thương nông sản của hai nước còn rất lớn. Xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang Anh chỉ chiếm hơn 1% tổng giá trị nhập khẩu lương thực, thực phẩm của Anh. Ngược lại, nông sản của Anh vào Việt Nam cũng chưa tới 1% tổng giá trị nhập khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam. Trước mắt, Việt Nam đã đề nghị Vương quốc Anh mở cửa 4 loại hình nông sản chính của Việt Nam, gồm: sản phẩm đặc trưng, đặc hữu từ nước nhiệt đới; các sản phẩm có nguồn gốc động vật; các sản phẩm có nguồn gốc thủy sản; và các sản phẩm gỗ.

Tham tán Thương vụ Việt Nam tại Vương quốc Anh, ông Nguyễn Cảnh Cường cũng cho biết Anh gia nhập CPTPP sẽ tạo thêm cơ hội tiếp cận thị trường mới cho một số nông sản Việt Nam. Trong CPTPP, Anh đã cam kết sẽ tăng hạn ngạch thuế quan đối với gạo, nhiều hơn đáng kể so với UKVFTA. Hạn ngạch thuế quan đối với cá ngừ, mật ong, chà cá cũng đã được tăng thêm. Nếu so sánh với những sản phẩm cùng loại từ các nước khác, với CPTPP, sản phẩm của Việt Nam sẽ có lợi thế cạnh tranh hơn rất nhiều.

Dù đứng trước cơ hội mở rộng xuất khẩu sang Anh, Bộ Công Thương cũng lưu ý doanh nghiệp những thách thức có thể gặp khi xuất khẩu vào thị trường này. Đầu tiên, Anh có các yêu cầu tiêu chuẩn cao về kỹ thuật, vệ sinh an toàn thực phẩm... Doanh nghiệp sẽ chịu sự cạnh tranh sòng phẳng với các doanh nghiệp của Anh cũng như của các nước khác; đồng thời tìm hiểu rõ phong tục, tập quán tiêu dùng của người dân, hệ thống tiêu thụ... Cùng với đó, không chỉ ngành nông nghiệp mà nền kinh tế toàn cầu cũng gặp khó do gián đoạn chuỗi cung ứng, giá cước vận tải tăng mạnh do giá xăng dầu tăng cao cũng gây bất lợi cho các doanh nghiệp Việt Nam.

Trong khi đó, theo các chuyên gia nông nghiệp, ngoài việc tận dụng tốt các ưu đãi từ CPTPP và UKVFTA, thì dù là doanh nghiệp hay nông dân, công ty hay tập đoàn muốn xuất khẩu đều phải tìm hiểu, đáp ứng được tiêu chuẩn, đòi hỏi của các thị trường, chứ không phải chỉ giới thiệu sản phẩm là xong. Với những yêu cầu khắt khe của Anh, đòi hỏi doanh nghiệp cần có sự chuẩn bị kỹ lưỡng từ xây dựng kế hoạch kinh doanh, đến thực hiện xây dựng chuỗi, phát triển sản phẩm, vấn đề thương hiệu. Nước Anh cũng rất quan tâm đến vấn đề lao động hay môi trường cho nên doanh nghiệp cũng cần chú ý. Phải bảo đảm đồng bộ về chế biến sâu và logistics, đây là hai thứ chúng ta đang yếu nhất.

Từ trước đến nay, xuất khẩu nông sản đi qua khâu trung gian quá nhiều, tiêu tốn thời gian, công sức. Chính vì vậy, ở bất cứ thị trường nào, không chỉ riêng Vương quốc Anh, nông sản Việt phải đi trực tiếp để tạo lợi thế về giá cả và uy tín. Chúng ta có đầy đủ năng lực để đàm phán thì không lý nào để nông sản phải qua khâu trung gian.

Về phía doanh nghiệp, ông Thái Trần, Giám đốc Công ty TT Meridian, một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu tại Anh, đánh giá CPTPP sẽ mang lại thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp Việt Nam trong chứng minh nguồn gốc xuất xứ sản phẩm, vốn là điều gây nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp Việt Nam do quá trình sản xuất phải nhập nhiều nguyên vật liệu từ nước thứ ba. Bên cạnh đó, đối với CPTPP, quy định về nguồn gốc xuất xứ được cho là rõ ràng và minh bạch hơn và đây sẽ là cơ hội để Việt Nam tận dụng được ưu đãi về thuế đối với nhiều nhóm hàng hơn khi vào thị trường Anh.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN GIAO THƯƠNG

* **Cần mua số lượng lớn rau củ quả, nông sản**

Doanh nghiệp xuất nhập khẩu và thương mại tại thành phố Hồ Chí Minh đang có nhu cầu thu mua các mặt hàng rau củ quả, nông sản, dược liệu với số lượng lớn.

Các cá nhân, tổ chức có khả năng cung ứng, liên hệ theo thông tin sau:

Công ty TNHH TM & XNK Thịnh Phước

Địa chỉ: 49/8 Bùi Thế Mỹ, Phường 10, Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

Người liên hệ: Anh An

ĐT: 0908 839 390

* **Cần mua nguyên liệu làm nấm**

Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Sinh Vật He Quan có trụ sở tại Bình Phước cần mua các loại nguyên liệu làm nấm với số lượng lớn. Hàng cung cấp ổn định.

+ *Yêu cầu:*

Các loại nguyên liệu làm nấm như cám mì, cùi bắp xay không nhuyễn quá cỡ 5-8mm trắng sáng, bã mía, bã đậu nành...

+ *Thông tin liên hệ:*

Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Sinh Vật He Quan

Địa chỉ: huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

ĐT: 0967505319

Email: hongoaanhkt118@gmail.com

* **Nhận cung cấp cá tạp lẫn cua ghẹ tôm**

Công ty TNHH MTV Vũ Tân Phát có trụ sở tại Cần Thơ nhận cung cấp cá tạp lẫn cua ghẹ tôm với số lượng lớn.

+ *Thông tin sản phẩm:*

Cá tạp lẫn cua ghẹ tôm có chỉ tiêu kỹ thuật như sau:

Đạm: 38% min

Ăm: 20% max

Muối: 12% max

+ *Thông tin khác:*

Khả năng cung cấp: 200 – 300 tấn/tháng

Giao hàng tận nơi

+ *Thông tin liên hệ:*

Công ty TNHH MTV Vũ Tân Phát

Địa chỉ: D21-03, đường số 9, KDC Long Thịnh, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, TP. Cần Thơ

Người liên hệ: Nam

ĐT: 0988 77 99 39

Email: phuongnamagg@gmail.com

<https://i.postimg.cc/QMNVMbXs/c-t-p-l-n-cua-gh.jpg>

<https://i.postimg.cc/GhM5N3HQ/bot-gan-muc-mo-ca-tra.jpg>

* **Cần mua nang mực (mai mực) khô:**

Công ty TNHH Minh Lập Thành, có trụ sở tại thành phố Hồ Chí Minh hiện đang cần mua nang mực (mai mực) khô với số lượng lớn.

+ *Yêu cầu:*

Nang mực với các chỉ tiêu như sau:

Độ ẩm 10 - 13%

Trắng, sạch, khô, không bị gãy, nứt, vỡ, không bị mục.

Đóng trong thùng carton 5 lớp

Kích thước: cần 2 loại: 12 – 15 cm; 15 – 25 cm

Đường kính: tối thiểu 4 cm

Số lượng: Cần số lượng lớn để làm hàng xuất khẩu

+ *Thông tin liên hệ:*

Công ty TNHH Minh Lập Thành

Địa chỉ: 60 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Người liên hệ: Mr. Thân

ĐT: 0908290018

Email: contact@minhlapthanh.com

*** Cần mua cá cơm chất lượng tốt**

Doanh nghiệp thương mại hàng nông sản tại địa bàn phía Nam hiện cần mua cá cơm phơi sống và cá hấp với chất lượng tốt để xuất khẩu đi các thị trường nước ngoài.

Doanh nghiệp mong tìm được các nhà cung cấp với số lượng ổn định và chất lượng tốt để hợp tác lâu dài.

+ *Thông tin liên hệ:* Các cá nhân, tổ chức có khả năng đáp ứng, liên hệ trực tiếp số điện thoại 01633005797; email: ngsambz@gmail.com để trao đổi thêm thông tin.

*** Nhận cung cấp mít tươi, đông lạnh tách hạt**

Cơ sở kinh doanh hàng nông sản tại địa bàn phía Nam nhận cung cấp mít tươi, đông lạnh tách hạt với các giống như sau: Mít Thái Lá Bàng, Mít Viên Linh, Mít Siêu Sớm.

Sản phẩm mít tách hạt, được sản xuất trên dây chuyền khép kín, cấp đông đảm bảo đầy đủ an toàn vệ sinh thực phẩm, đầy đủ điều kiện chứng nhận để xuất khẩu đi các thị trường khác khu vực trên thế giới.

+ *Thông tin liên hệ:* Quý Công ty nào có nhu cầu mua hàng mít đông lạnh để xuất khẩu, liên hệ trực tiếp các số điện thoại 0903944669-0903047955-0916800732 để được báo giá tốt nhất.

*** Cần mua sầu riêng đông lạnh Monthong có hạt**

Công ty TNHH Thực Phẩm Việt Khánh có trụ sở tại Đồng Nai cần mua Sầu Riêng đông lạnh Monthong có hạt.

+ *Yêu cầu:*

Sầu riêng đông lạnh Monthong có hạt với các qui cách như sau:

Đóng gói 25 miếng = 3 kg/gói.

Sầu riêng không sượng, không cứng, không hư.

Đóng gói thùng xốp 21 kg (7 gói), quấn băng keo.

+ *Thông tin liên hệ:*

Công ty TNHH Thực Phẩm Việt Khánh

Địa chỉ: thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

ĐT: 061 626 3161

Email: vikafoods@gmail.com

Skype: sale01.vika

*** Cung ứng khoai lang mật với số lượng lớn**

Cơ sở kinh doanh hàng nông sản tại thành phố Hồ Chí Minh nhận cung ứng khoai lang mật với số lượng lớn và giá cả ưu đãi.

+ *Thông tin sản phẩm:*

Khoai lang mật sản xuất tại HTX Rau an toàn Thanh Hưng (Tiền Giang).

Tiêu chuẩn Vietgap.

An toàn vệ sinh thực phẩm

+ *Thông tin liên hệ:*

Hoàng Anh

Địa chỉ: 73/19B, Trần Thị Diệu, Phước Long B, Phước Long B, 9, thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: 0965.744.484

Email: anhphan8201@gmail.com

*** Tìm đối tác cung cấp rau củ quả số lượng lớn**

Một doanh nghiệp chuyên cung cấp thực phẩm rau củ quả, thực phẩm tươi sống vào các bếp ăn công nghiệp tại khu vực miền Bắc hiện cần tìm đối tác cung cấp rau củ quả với số lượng lớn.

+ *Yêu cầu:*

Các loại rau củ quả, thực phẩm tươi ngon và đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh, an toàn thực phẩm

+ *Thông tin khác:*

Thanh toán ngay, 15 ngày hoặc gởi tháng (có thể hiện trong hợp đồng).

+ *Thông tin liên hệ:*

Các đối tác có đủ năng lực, liên hệ trực tiếp theo số điện thoại 01659 529 979 (gặp Ms. Hà) để biết thông tin cụ thể.

*** Tìm đối tác thu mua cá trích đông lạnh**

Doanh nghiệp thương mại hàng thủy sản tại thành phố Hồ Chí Minh cần tìm đối tác thu mua cá trích đông lạnh.

+ *Thông tin sản phẩm:*

Frozen Herring fish(cá trích)

Nhập khẩu từ Hàn Quốc

Tiêu chuẩn: 200-300g/con

+ *Thông tin khác:*

Giá CIF: 900\$/tấn / Mua số lượng lớn: 850\$/tấn

Hình thức thanh toán: L/C hoặc TT

+ *Thông tin liên hệ:*

Công ty TNHH TM Cold Sea

Địa chỉ: 56(R4-38) đường số 6, Phường Tân Phong, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (028) 54 108 063

Người liên hệ: Mrs. Uyên

Tel: (84) 97 157 2496

Email: coldseatrading@hotmail.com

*** Cần mua nguyên liệu thức ăn chăn nuôi**

Một trang trại chăn nuôi tại địa bàn phía Nam hiện cần tìm nguồn cung cấp nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi với số lượng lớn.

+ *Yêu cầu:*

Các loại nguyên liệu như bã hèm bia, bã mè, bã đậu phộng, bột cá biển khô, bột xương thịt, bã nành, bã điều sấy khô, vỏ mè trích ly, bắp hạt... để phối trộn thức ăn cho gia súc, gia cầm.

Cung cấp với số lượng lớn và ổn định.

Phương thức thanh toán nhanh chóng.

+ *Thông tin liên hệ:*

Các cá nhân, tổ chức có đủ năng lực, liên hệ trực tiếp theo số điện thoại 0917.515.450 (gặp Tuấn) để biết thêm thông tin chi tiết.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN CẢNH GIÁC

* Giá tôm nguyên liệu tiếp tục giảm, người nuôi vẫn khó khăn

Thông tin từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN&PTNT) cho hay, giá tôm nguyên liệu ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) trong tháng 7 tiếp tục giảm (cả tôm sú và tôm thẻ chân trắng). Hiện giá tôm đang ở mức thấp nhất kể từ đầu năm.

Tại Kiên Giang, tôm sú kích cỡ 30 con/kg giá từ 145.000 - 150.000 đồng/kg, giảm từ 60.000 - 70.000 đồng/kg và loại trên 30 con/kg giá từ 110.000 - 120.000 đồng/kg, giảm từ 50.000 - 60.000 đồng/kg; tôm thẻ kích cỡ 100 con/kg giá từ 70.000 - 75.000 đồng/kg, giảm từ 20.000 - 25.000 đồng/kg.

Tại Bạc Liêu, giá trung bình tôm sú ướp đá cỡ lớn 20 con/kg giảm 19.300 đồng/kg so với tháng 6/2023 xuống còn 187.000 đồng/kg, cỡ 30 con/kg ở mức 150.000 đồng/kg (giảm 22.000 đồng/kg), cỡ 40 con/kg giữ mức 130.000 đồng.

Giá tôm thẻ ướp đá cỡ 40 con/kg giảm 3.000 đồng/kg so với tháng 6/2023 xuống còn 95.000 đồng/kg; cỡ 60 con/kg giảm 2.000 đồng/kg còn 73.300 đồng/kg, cỡ 100 con/kg 67.000 đồng/kg (giảm 1.400 đồng/kg).

Nguyên nhân khiến giá tôm liên tiếp sụt giảm do hiện đang vào mùa vụ nuôi tôm chính, không chỉ ở Việt Nam, mà còn tập trung ở các nước nuôi tôm khác như Ecuador, Ấn Độ và Indonesia, trong khi tình hình xuất khẩu bị đình trệ.

Trong khi đó, theo các thương lái thu mua, do tình hình xuất khẩu chưa ổn định, lượng tôm thu mua về chưa chắc đã mang đi xuất khẩu ngay nên họ phải trữ đông trong kho và chờ. Chính vì thế khấu trừ các chi phí hao hụt đó mà giá thu mua đầu vào cũng giảm theo.

Giá tôm giảm sâu khiến người nuôi đứng trước lựa chọn khó khăn là bán lỗ hay cho ăn cầm chừng nuôi tiếp chờ giá lên.

Trước tình hình giá cả xuống thấp, một số nông dân chọn cách nuôi thưa để hạn chế rủi ro. Một hộ nuôi tôm ở huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, cho biết, do tình hình giá cả giảm mạnh nên đã giảm mật độ nuôi xuống phân nửa để bớt chi phí, tránh dịch bệnh, chờ xem giá cả thế nào ở những tháng cuối năm. Còn với giá hiện tại, ai càng nuôi nhiều càng thua lỗ lớn.

Tại Kiên Giang, các hộ nuôi đạt về số lượng nhưng phải cân đối tiền thức ăn, nếu không sẽ lỗ nhiều. Nhiều hộ "tía" ra bán cầm chừng, nhiều hộ không kham nổi thức ăn thì bán luôn cho xong. Một giải pháp khác là số vụ năm nay vẫn giữ nguyên nhưng phải giảm bớt lượng con giống thả nuôi để phòng ngừa giá tôm tiếp tục biến động.

Năm 2023, ngành tôm đặt mục tiêu diện tích nuôi khoảng 750.000 ha, trong đó tôm sú 610.000 ha, tôm thẻ 120.000 ha, còn lại là tôm càng xanh và tôm khác; sản lượng tôm các loại khoảng 1 triệu tấn, xuất khẩu đạt 4,3 tỷ USD.

Nhận định về phát triển ngành tôm năm 2023, Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP) cho rằng, trước tình hình thế giới biến động do xung đột địa chính trị, biến đổi khí hậu, các nước siết chặt vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm, thị trường lạm phát cao tại Mỹ..., thị trường tiêu thụ xuất khẩu thủy sản sẽ khó khăn. Việc đặt ra kế hoạch xuất khẩu trên 4,3 tỷ USD đối với ngành tôm là cần phải cố gắng rất lớn.

Để đạt kết quả trên, Thứ trưởng Bộ NN&PTNT Phùng Đức Tiến đã yêu cầu Cục Quản lý chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường kiểm soát tốt chất lượng, an toàn thực phẩm thủy sản nguyên liệu, kiểm soát tạp chất, tồn dư hóa chất, kháng sinh trong sản phẩm tôm nhằm nâng cao chất lượng. Chủ động, thường xuyên đánh giá diễn biến thị trường, đề xuất giải pháp, kịp thời thông tin để người dân biết, có kế hoạch sản xuất phù hợp.

Các địa phương tổ chức liên kết chuỗi sản xuất tôm, đảm bảo chuỗi sản xuất tôm liên hoàn; ngăn chặn kịp thời những sản phẩm như con giống, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản không đảm bảo chất lượng tới người tiêu dùng. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về an toàn thực phẩm trong nuôi trồng thủy sản nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm phục vụ chế biến, tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN AN TOÀN THỰC PHẨM*** Cảnh trọng với thực phẩm đông lạnh không rõ nguồn gốc được bán qua “chợ mạng”**

Hiện nay, dịch vụ kinh doanh thực phẩm trên mạng xã hội đang có xu hướng bùng nổ mạnh mẽ bởi tính tiện dụng và giá cả phải chăng. Tuy nhiên, bên cạnh những tổ chức, cá nhân làm ăn chân chính thì vẫn còn tồn tại nhiều vụ buôn bán thực phẩm bẩn, không rõ nguồn gốc, gây tiềm ẩn nhiều rủi ro về sức khỏe cho người dùng.

Người tiêu dùng phần vì ham rẻ, phần chưa nhận thức đầy đủ về tính minh bạch của sản phẩm liên quan đến nhu cầu ăn uống thường ngày nên vô tình tạo điều kiện cho thực phẩm kém chất lượng lên bàn ăn của chính gia đình mình.

Trước thực tế việc kinh doanh hàng hóa nói chung và kinh doanh thực phẩm đang bùng nổ trên mạng xã hội hiện nay, các cơ quan chức năng đã đưa ra cảnh báo: Thực phẩm là nhóm hàng hóa được sản xuất, kinh doanh có điều kiện phải được sự quản lý, giám sát chặt chẽ để tránh nguy cơ mất an toàn. Tuy nhiên, tình hình kinh doanh thực phẩm đang diễn biến hết sức phức tạp, đặc biệt là việc kinh doanh qua mạng xã hội tiềm ẩn nhiều nguy cơ ảnh hưởng đến lợi ích và sức khỏe của người tiêu dùng.



Các sản phẩm bán qua mạng thường không kèm theo chứng từ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng và hợp pháp theo quy định pháp luật hiện hành. Việc mua bán diễn ra theo hình thức thỏa thuận giữa các bên nên rất khó cho công tác quản lý.

Bên cạnh đó, sản phẩm không rõ nguồn gốc xuất xứ hoặc giả mạo nguồn gốc xuất xứ có thể tiềm ẩn nguy cơ chứa chất cấm, tồn dư kháng sinh, thuốc kích thích tăng trưởng, thuốc trừ sâu, thuốc bảo vệ thực vật... gây bệnh cho người sử dụng. Đặc biệt, người bán hàng online thường là cá nhân và không đăng ký kinh doanh do không thuộc đối tượng phải đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật do đó, người bán có thể tự do thay đổi thông tin, địa điểm kinh doanh mà người tiêu dùng không thể lường trước được. Vì vậy, thông tin liên lạc cùng danh tính người bán chưa thực sự rõ ràng và xác thực khiến người tiêu dùng rất khó kiểm tra chất lượng do sản phẩm được đơn vị giao nhận gửi đến và bao gói rất cẩn thận.

Từ thực tế nêu trên, các cơ quan chức năng khuyến cáo khi mua các loại thực phẩm qua mạng người tiêu dùng cần lưu ý tìm hiểu kỹ thông tin về chủng loại sản phẩm (thực phẩm tươi sống, thực phẩm sơ chế hay thực phẩm đã chế biến); thành phần cấu thành sản phẩm, giá trị dinh dưỡng (bằng chứng khoa học về khả năng mang lại giá trị cho người sử dụng); yêu cầu về chất lượng sản phẩm theo quy định, thời điểm sản xuất, hướng dẫn sử dụng đối với từng loại sản phẩm và điều kiện bảo quản.

Bên cạnh đó, người tiêu dùng cần tìm hiểu kỹ về cơ sở sản xuất, kinh doanh những mặt hàng thực phẩm trên mạng xã hội qua thông tin về địa điểm đăng ký kinh doanh hoặc địa chỉ cư trú của thương nhân, điện thoại, email... và có thể kiểm chứng được thông tin.

Đặc biệt, người tiêu dùng chỉ nên chọn sản phẩm thực phẩm từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh có bề dày hoạt động trên thị trường, có uy tín với thương hiệu và chất lượng sản phẩm được kiểm chứng cùng nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, hợp pháp. Tránh tiêu dùng những sản phẩm thực phẩm được quảng cáo bất mật, công dụng thiếu thực tế và chứng cứ khoa học, mập mờ về nhãn mác cùng xuất xứ không rõ ràng.

Liên quan đến thực phẩm đông lạnh, Bộ Khoa học và Công nghệ cũng đã ban hành tiêu chuẩn nhằm đảm bảo chất lượng an toàn của sản phẩm khi được đem ra tiêu thụ ngoài thị trường, trong đó có Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 7047:2020- Thịt đông lạnh áp dụng cho thịt đông lạnh được dùng làm thực phẩm.

Yêu cầu chung là các sản phẩm gia súc, gia cầm và động vật trên cạn khác khi đưa vào giết mổ phải đáp ứng quy định hiện hành về kiểm soát giết mổ và an toàn thực phẩm. Sau khi kết thúc quá trình giết mổ, thân thịt có thể được xẻ đôi hoặc xẻ tư (nếu cần), ngay sau đó được đưa về điều kiện mát sao cho nhiệt độ tâm sản phẩm được duy trì ở mức không lớn hơn 7°C, sau đó được pha lọc (nếu cần), đóng gói và cấp đông.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG

Giá cả trong tỉnh

TT	Tên sản phẩm	Giá cả TT Ngày 14/8/2023	Giá cả TT Ngày 21/8/2023	TT	Tên sản phẩm	Giá cả TT Ngày 14/8/2023	Giá cả TT Ngày 21/8/2023
I	Thực phẩm tiêu dùng			31	Cần tàu	30.000	30.000
1	Cải ngọt	15.000	17.000	32	Kiệu	35.000	30.000
2	Cải xanh	15.000	17.000	33	Bầu	12.000	15.000
3	Củ cải trắng	18.000	18.000	34	Mướp	12.000	12.000
4	Rau muống	12.000	12.000	II	Trái cây		
5	Cải xoong	50.000	60.000	1	Cam sành	32.000	22.000
6	Rau dền	15.000	15.000	2	Cam mật	27.000	20.000
7	Mồng tơi	10.000	15.000	3	Quýt đường	55.000	50.000
8	Bông bí	30.000	30.000	4	Bưởi năm roi	45.000	45.000
9	Xà lách	20.000	22.000	5	Bưởi da xanh	50.000	50.000
10	Su su	22.000	25.000	6	Xoài cát Chu	25.000	22.000
11	Bắp non	35.000	35.000	7	Xoài cát Hoà Lộc	40.000	40.000
12	Cà rốt	18.000	25.000	8	Xoài Đài Loan	15.000	20.000
13	Khoai tây	25.000	25.000	9	Chôm chôm nhân	25.000	25.000
14	Củ dền	23.000	23.000	10	Chôm chôm Java	10.000	10.000
15	Cải thảo	25.000	25.000	11	Mãng cầu xiêm	35.000	40.000
16	Dưa leo	17.000	15.000	12	Mãng cầu ta	45.000	55.000
17	Cà tím	15.000	15.000	13	Dưa hấu	12.000	12.000
18	Bí đao	15.000	20.000	14	Thanh Long	25.000	30.000
19	Bí rợ	25.000	25.000	15	Sapo	30.000	30.000
20	Đậu bắp	12.000	15.000	16	Ổi	15.000	10.000
21	Khổ qua	15.000	17.000	17	Táo xanh	110.000	110.000
22	Cà chua	20.000	20.000	18	Táo Mỹ	90.000	90.000
23	Hành lá	35.000	35.000	19	Táo Trung Quốc	60.000	60.000
24	Hẹ	30.000	30.000	20	Nho Mỹ (nhỏ đen)	190.000	180.000
25	Khoai cao	30.000	30.000	III	Gạo		
26	Bắp cải trắng	17.000	17.000	1	Gạo thơm Jasmine	17.000	18.500
27	Đậu que	18.000	18.000	2	Gạo Hương Lài	19.000	19.500
28	Đậu đũa	15.000	15.000	3	Gạo thơm Đài Loan	20.000	21.000
29	Măng tươi	45.000	45.000	4	Gạo Nàng Hoa	18.000	19.000
30	Ốt	50.000	50.000	5	Gạo trắng thường	15.000	16.000

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG

Giá cả khu vực đồng bằng sông Cửu Long

TT	Tên sản phẩm	Giá cả TT Ngày 14/8/2023	Giá cả TT Ngày 21/8/2023	TT	Tên sản phẩm	Giá cả TT Ngày 14/8/2023	Giá cả TT Ngày 21/8/2023
I	Thực phẩm tiêu dùng			9	Dưa leo	15.000	16.000
1	Cá điêu hồng	55.000	55.000	10	Khoai cao	25.000	20.000
2	Cá lóc nuôi	65.000	65.000	11	Nấm rơm	85.000	90.000
3	Cá kèo nuôi	190.000	195.000	12	Bắp cải trắng	10.000	12.000
4	Cá rô phi	45.000	50.000	13	Đậu que	26.000	28.000
5	Cá trê nuôi	40.000	45.000	14	Đậu đũa	24.000	22.000
6	Cá tra (cá hú)	65.000	65.000	15	Cà tím	16.000	20.000
7	Cá tra thịt trắng	50.000	55.000	16	Bí đao	12.000	15.000
8	Lươn loại 1	180.000	180.000	17	Bí rợ (bí đỏ)	15.000	20.000
9	Ếch nuôi	60.000	60.000	18	Ớt	40.000	45.000
10	Tôm càng xanh	240.000	240.000	19	Gừng	28.000	34.000
11	Mực ống loại lớn	190.000	190.000	20	Đậu bắp	16.000	18.000
12	Thịt heo đùi	110.000	110.000	21	Khô qua	12.000	12.000
13	Thịt heo nạc	110.000	115.000	22	Bầu	12.000	16.000
14	Thịt heo ba rọi	120.000	125.000	23	Cà chua	18.000	18.000
15	Thịt bò đùi	240.000	240.000	III	Trái cây		
16	Thịt bò phi lê (thăn)	250.000	250.000	1	Quýt đường	50.000	45.000
17	Vịt làm sẵn (nguyên con)	85.000 - 90.000	85.000	2	Bưởi năm roi	45.000	45.000
18	Thịt gà ta (nguyên con)	120.000	120.000	3	Xoài cát Hòa Lộc	40.000	40.000
19	Trứng gà ta	4.200	4.200	4	Xoài cát chu	25.000	22.000
20	Trứng gà công nghiệp	3.000	3.000	5	Táo Mỹ	90.000	90.000
21	Trứng vịt	3.200	2.800	6	Táo xanh	110.000	110.000
II	Rau củ quả			7	Dưa hấu	12.000	12.000
1	Cải xanh	15.000	15.000	8	Sapo	30.000	30.000
2	Cải ngọt	16.000	12.000	9	Cam mật	28.000	20.000
3	Cải thìa	15.000	14.000	10	Cam sành	32.000	22.000
4	Rau muống	12.000	12.000	11	Thanh Long	25.000	30.000
5	Rau mồng tơi	15.000	12.000	12	Chôm chôm nhãn	25.000	25.000
6	Cải xà lách	18.000	18.000	13	Mãng cầu xiêm	40.000	40.000
7	Hành lá	28.000	30.000	14	Mãng cầu ta	45.000	45.000
8	Củ kiệu	25.000	30.000	15	Ổi	15.000	10.000

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN GIỚI THIỆU VỀ SẢN PHẨM OCOP TỈNH TRÀ VINH

BÁNH TÉT (9 DI) OCOP 3 SAO HỘ KINH DOANH THẠCH THỊ DI



Chịu trách nhiệm xuất bản:

PHẠM VĂN TẮM

Giám đốc Sở Công Thương

Ban Biên tập:

NGUYỄN THỊ MỘNG THU - *Trưởng ban*

VŨ HỒNG DƯƠNG - *Phó Trưởng ban*

PHẠM PHƯỚC TRÃI - *Phó Trưởng ban*

XUẤT BẢN PHẨM KHÔNG BÁN